

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Thời gian: Khai mạc hồi 08h00, ngày 26 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: Khách sạn Núi Hoa, tỉnh Bắc Kạn

(Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn)

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
01	07h00-08h00	Cổ đông đăng ký danh sách, nhận tài liệu	BTC
02	08h00-08h30	- Ổn định và chào cờ	BTC
		- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông	BTC
		- Thông qua quy chế Đại hội.	BTC
		- Chủ tịch HĐQT lên phát biểu khai mạc và điều hành Đại hội. - Giới thiệu và biểu quyết Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội - Thông qua chương trình nghị sự Đại hội.	Chủ tịch HĐQT
03	08h30-10h30	CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI	
		1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021. Thảo luận và biểu quyết.	Chủ tịch HĐQT.
		2. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Thảo luận và biểu quyết	Tổng Giám đốc
		3. Thông qua Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và nhiệm kỳ 2016-2021. Thảo luận và biểu quyết.	Trưởng Ban kiểm soát
		4. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng

		5. Thông qua Tờ trình dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020. Thảo luận và biểu quyết.	Kế toán trưởng
04	10h30-11h15	6. Bầu cử Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2021 – 2026: - Thông báo về việc bầu cử thành viên HDQT và BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026; - Thông qua quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HDQT và BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026; - Thông qua danh sách đề cử, ứng cử thành viên HDQT và BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026; - Bầu cử.	Chủ tịch HDQT Ban Bầu cử
05	11h15-11h30	Nghỉ giải lao 15 phút	
	11h30-12h00	7. Tờ trình về việc Thông qua mức lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2021. Thảo luận và biểu quyết	Kế toán trưởng
		8. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán trong năm tài chính 2021	Trưởng ban kiểm soát
		9. Thông báo kết quả bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới ra mắt Đại hội	Trưởng ban bầu cử
		10. Thông qua Tờ trình của Tổng Giám đốc về chủ trương đầu tư xây dựng dây truyền luyện kẽm và bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh	Tổng Giám đốc
		11. Các nội dung khác do Đại hội quyết định	Chủ tọa Đại hội
06	12h00- 12h15	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội Thảo luận và biểu quyết thông qua.	Chủ tọa Đại hội Thư ký Đại hội
07	12h30	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa Đại hội



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 26 tháng 04 năm 2021

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP khoáng sản Bắc Kạn được Ban tổ chức Đại hội đề cử gồm:

1. Ông: Vũ Gia Hạnh - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông;
2. Ông: Bùi Khắc Tùng - Thành viên;
3. Bà: Mai Thị Thanh Huyền - Thành viên.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đã thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại địa điểm tổ chức Đại hội (Khách sạn Núi Hoa – Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn).

Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

1. Thông tin về cổ đông, cổ phần của Công ty (theo danh sách chốt ngày 23 tháng 03 năm 2021):

- Tổng số cổ đông của Công ty: 819 cổ đông.
- Tổng số cổ phần sở hữu: 11.737.728 (Mười một triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi tám) cổ phần phổ thông.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 11.737.728 (Mười một triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi tám) cổ phần.
- Tổng số phiếu biểu quyết: 11.737.728 phiếu biểu quyết.

2. Thông tin về cổ đông tham dự Đại hội (bao gồm tham dự trực tiếp và thông qua người được ủy quyền):

- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 35 cổ đông.
- Tổng số cổ phần sở hữu: 10.734.712 cổ phần phổ thông.
- Tổng số phiếu biểu quyết: 10.734.712 phiếu biểu quyết.

Trong đó:

- + Cổ đông trực tiếp tham dự: 17 người, sở hữu: 4.585.209 cổ phần.
- + Cổ đông tham dự thông qua người được ủy quyền: 18 người, sở hữu: 6.149.413 cổ phần.



Như vậy, tổng số cổ phần của các cổ đông tham dự Đại hội là 10.734.712 cổ phần, chiếm 91,45% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, tương đương 10.734.712 phiếu biểu quyết, chiếm 91,45% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty. Sau khi kiểm tra, 35 cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội theo quy định.

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đủ điều kiện để tiến hành.

Đính kèm Biên bản này là Danh sách cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021.

Biên bản này được lập hồi 08 giờ 25 phút ngày 26 tháng 04 năm 2021.

BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Trưởng ban



Vũ Gia Hạnh

Thành viên



Bùi Khắc Tùng

Thành viên



Mai Thị Thanh Huyền



Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Nhằm đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự họp ĐHĐCĐ ăn mặc chỉnh tề.
2. Cổ đông khi vào phòng họp ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc hướng dẫn sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc chuyển sang chế độ rung không chuông.
5. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi cuộc họp kết thúc thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ biểu quyết tại Đại hội.

II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Quyền và nghĩa vụ các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ.

1.1. Điều kiện tham dự họp ĐHĐCĐ.

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu BKC theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 23/3/2021 hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự họp ĐHĐCĐ.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự họp ĐHĐCĐ cần mang theo các giấy tờ sau:



- Thông báo mời họp.
- CMND/Căn cước công dân/hộ chiếu (bản chính).
- Bản chính Giấy ủy quyền và bản sao CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu/GCNĐKDN của người ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu và ký tên bởi người đại diện pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận 01 Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết ghi rõ họ tên cổ đông, mã số tham dự Đại hội (do Ban tổ chức gán cho mỗi cổ đông) và số phiếu biểu quyết (bằng số cổ phần sở hữu của mỗi cổ đông tại ngày 23/3/2021 - ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2021).

b. Cổ đông tham dự và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc có thể ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho người khác. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

c. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ muốn phát biểu thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa; phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban Thư ký đại hội.

d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ công ty.

e. Cổ đông tới dự họp ĐHĐCĐ sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây rối mất trật tự làm ảnh hưởng đến cuộc họp.

g. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay; sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký được tham dự và tham gia biểu quyết bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tọa.

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) là Chủ tọa của Đại hội.

2.2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

2.3. Chủ tọa Đại hội có nhiệm vụ:

- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, quy chế đã được Đại hội thông qua.

- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

- Giới thiệu Ban thư ký đại hội, Ban kiểm phiếu đại hội và trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

- Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

- Giải quyết các khiếu nại về ĐHĐCĐ (nếu có).

2.4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc biện pháp an ninh khác.

- Yêu cầu bộ phận chức năng duy trì trật tự tại cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc đổi địa điểm họp, nhưng không quá 03 ngày kể từ ngày được mời dự họp chính thức, trong trường hợp sau:

- Địa điểm không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự cuộc họp;

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

3. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ do Ban Tổ chức Đại hội thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra giấy tờ, công nhận người đến dự họp hợp lệ, phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết cho người đến dự họp; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội

chính thức được tiến hành.

4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ

4.1. Ban Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

4.2. Ban Thư ký ĐHĐCĐ thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa, gồm:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội;

- Soạn thảo, hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

- Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông thông qua Tổ giúp việc.

5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

5.1. Ban kiểm phiếu Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

5.2. Ban Kiểm phiếu Đại hội có nhiệm vụ:

- Thống kê, tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung.

- Thực hiện việc phát phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu bầu .

- Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký và công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả biểu quyết của các cổ đông trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

III. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI VÀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Nguyên tắc và cách thức tiến hành Đại hội

- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại chương trình ĐHĐCĐ.

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu của cổ đông và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn).

3. Cách biểu quyết

- Cổ đông biểu quyết (theo thứ tự “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không có ý kiến”) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề tại Đại hội đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban Kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng với từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết. Và tương tự, đối với các ý kiến còn lại.

Cổ đông đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết về các nội dung mình đã biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết và nộp lại cho Ban tổ chức.

4. Thẻ lệ biểu quyết

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

- Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận. Đối với các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp; việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nghị sự; cổ đông có ý kiến phải đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Ban Thư ký Đại hội; Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu.

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua, không dùng lời lẽ xúc phạm hoặc gây mất trật tự tại Đại hội. Chủ tọa cuộc họp sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự chương trình làm việc và đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của các cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội ghi vào



biên bản họp của ĐHĐCĐ.

2. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Phi Hồ

Số: 08 /BC-HĐQT

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Kính thưa: ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Thay mặt Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, tôi xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020

Năm 2020 là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi ảnh hưởng của dịch covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh có giai đoạn chỉ mang tính cầm chừng, thu hẹp sản xuất; chính sách cách ly xã hội của Nhà nước và các địa phương có dịch để phòng chống dịch covid-19 đã tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2020 đã có gần 300 lao động phải tạm hoãn hợp đồng lao động. Một số dự án đang triển khai như điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì, kẽm; hồ chứa thải mới; xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc tại Thái Nguyên bị chậm tiến độ; mỏ của Công ty TNHH Việt Trung hết thời hạn khai thác theo Giấy phép, việc gia hạn gặp nhiều vướng mắc, buộc phải tạm dừng hoạt động kể từ 01/01/2021.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Tỷ lệ thực hiện (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	20.667,0	22.755,14	110,10
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				



	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	4.018,0	4.054,30	100,90
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.214,0	2.607,48	81,13
	- Chì kim loại (hàm lượng \geq 97%)	Tấn	6.000,0	5.423,02	90,38
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	5.000,0	0	-
	- Chì kim loại (hàm lượng \geq 97%)	Tấn	5.600,0	5.131,61	91,64
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	314,6	214,69	68,24
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	0,72	-23,03	-
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	24,14	21,14	87,57
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	5,2	5,285	101,63
8	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	7,4	7,5	101,35
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Tỷ đồng	112,2	18,17	15,30

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2020

1. Các hoạt động chung

Thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ, trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp và nhiều lần xin ý kiến bằng văn bản để thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng. Hội đồng quản trị đã ban hành 10 Nghị quyết, Quyết định liên quan tới công tác nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, nhu cầu vốn và kế hoạch phát triển của Công ty thuộc thẩm quyền. Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của công ty.

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 29/6/2020.

Bên cạnh đó HĐQT đã lập các báo cáo tình hình quản trị 6 tháng, 1 năm và công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư số: 155/2015/TT-BTC và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT.

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày, bao gồm:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc trong các hoạt động kinh doanh.
- Tổ chức giám sát việc thực hiện các dự án do công ty làm chủ đầu tư
- Giám sát, chỉ đạo việc lập các báo cáo và thực hiện công bố thông tin đảm bảo minh bạch, kịp thời, đúng quy định.

3. Mức chi thù lao HĐQT năm 2020.

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện việc chi trả thù lao HĐQT theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020, cụ thể:

Bảng 2: Thù lao Hội đồng quản trị năm 2020

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2020		
			Hàng tháng (VNĐ)	Số tháng	Thành tiền (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT.	1	50.000.000	4	200.000.000
			40.000.000	8	320.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	10.000.000	4	160.000.000
			8.000.000	8	256.000.000
Tổng cộng					936.000.000

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Từ đầu năm 2021 đến nay dịch Covid-19 có nhiều diễn biến phức tạp, vẫn tiếp tục tác động nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh khi số ca mắc mới vẫn không ngừng tăng, các nước tiếp tục thực hiện nhiều biện pháp phòng chống dịch ở quy mô quốc gia, tình trạng “bế quan tỏa cảng” giữa các nước vẫn tiếp diễn, giá kim loại chì, kẽm biến động mạnh đã tác động lớn tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Hoạt động khai thác gặp nhiều khó khăn do địa chất phức tạp, vị trí khai thác mới chưa khả quan, hàm lượng và chất lượng chưa đạt kỳ vọng; hồ sơ pháp lý gia hạn thời gian khai thác của mỏ Công ty TNHH Việt Trung còn nhiều vướng mắc, không thể sớm được giải quyết; Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực cho hoạt động của nhà máy luyện chì và sản xuất bột kẽm oxít. Luyện kim tiếp tục sẽ là lĩnh vực hoạt động trọng tâm của công ty trong thời gian tới.

Bảng 3: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2021

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	So sánh kế hoạch năm 2021 với thực hiện năm 2020 (%)
1	Khối lượng sản phẩm khai thác	Tấn	22.755,14	20.300	89,22
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	4.054,30	3.866	95,4
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	2.607,48	2.498	95,8
	- Chì kim loại (hàm lượng \geq 97%)	Tấn	5.423,02	6.000	110,64
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	0,0	6.500	-
3	Khối lượng sản phẩm xuất bán				
	- Khối lượng xuất bán tinh quặng kẽm	Tấn	0,0	8.300	-
	- Khối lượng xuất bán chì thỏi	Tấn	5.131,61	6.000	116,92
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	0,0	5.000	-
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	214,69	459,9	214,22
5	Giá vốn	Tỷ đồng	212,00	408,3	192,59
6	Doanh thu từ hoạt động tài chính	Triệu đồng	0,01	0,2	2.000
7	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	15,29	14,5	94,83
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	11,59	12,0	103,54
9	Thu nhập khác	Tỷ đồng	4,67	4,6	98,5
10	Chi phí khác	Tỷ đồng	3,52	1,3	36,93
11	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	-23,03	28,7	224,78
12	Chi phí thuế TNDN hiện	Tỷ đồng	0	5,0	-

	hành				
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	-23,03	23,7	203,04
14	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	21,14	35,6	168,40
15	Nộp bảo hiểm	Tỷ đồng	5,28	6,8	128,79
16	Thu nhập bình quân hàng tháng	Triệu đồng	7,5	7,6	101,33
17	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	18,17	59,665	328,37

2. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với Ban Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trình ĐHĐCĐ thông qua cũng như xem xét kịp thời, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở thẩm quyền của HĐQT để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được nhằm cùng với Ban Tổng Giám đốc phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ 2021;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- VP, TKCT;
- Lưu: VT, HSDH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

Số: *94*/BC-TGD

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn

Thay mặt cho Ban điều hành Công ty cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (“Công ty”), Tổng giám đốc báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty (“ĐHĐCĐ”) về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đánh giá chung:

- Năm 2020 là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi ảnh hưởng của dịch covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh có giai đoạn chỉ mang tính cầm chừng.

- Chính sách cách ly xã hội của Nhà nước và các địa phương có dịch để phòng chống dịch covid-19 đã tác động tới hoạt động của Công ty: Từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2020 đã có gần 300 lao động phải tạm hoãn hợp đồng lao động. Một số dự án đang triển khai như điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì, kẽm; hồ chứa thải mới; xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc tại Thái Nguyên bị chậm tiến độ.

- Công ty tiếp tục cải thiện môi trường làm việc, tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn trong lao động, tăng thu nhập cho người lao động; cải tạo công nghệ, rà soát điều chỉnh các khâu trong sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa chi phí.

2. Thuận lợi và khó khăn:

2.1. Thuận lợi:

Ban lãnh đạo có chủ trương, định hướng đúng, quyết tâm cao, chỉ đạo quyết liệt, sát sao với cơ sở; nội bộ Công ty đoàn kết; người lao động tích cực trong lao động sản xuất; các cấp chính quyền trong tỉnh tạo điều kiện.

2.2. Khó khăn:

- Chưa có thêm mỏ để khai thác trong khi mỏ cũ khai thác trong điều kiện khó khăn, sản lượng ít, hàm lượng thấp, các nguồn nguyên liệu khác chưa được cấp phép xử lý dẫn đến thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

- Ảnh hưởng của dịch covid 19 nên giá bán kim loại không ổn định dẫn đến hàng khó tiêu thụ, tồn kho tăng, thiếu vốn để tái đầu tư sản xuất.

- Cơ chế, chính sách của Nhà nước còn nhiều bất cập; thủ tục hành chính đã được cắt giảm, rút ngắn thời gian giải quyết nhưng vẫn chông chéo cứng nhắc dẫn đến mất nhiều thời gian để thực hiện làm chậm tiến độ của dự án.

- Lao động phổ thông lẫn lao động có trình độ, tay nghề cao vẫn khan hiếm, thiếu hụt, tuyển dụng khó; nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật, quy định Công ty của người lao động còn hạn chế.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong năm 2020 hoạt động khai thác mỏ diễn ra tương đối ổn định, ngoài mỏ Nà Bốp - Pù Sáp thì từ tháng 7/2020 Công ty được UBND tỉnh cấp phép khai thác mỏ Nà Duồng, sau khi xây dựng cơ bản đã đưa mỏ vào hoạt động có sản phẩm từ tháng 10/2020. Tuy nhiên bên cạnh đó có một số dự án vẫn chưa đi vào hoạt động theo đúng tiến độ đề ra như: Dự án Điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì kẽm, hồ chứa thải mới... Riêng Nhà máy luyện chì hoạt động ổn định đạt công suất thiết kế nhưng chưa đạt được chỉ tiêu kế hoạch do thiếu nguyên liệu.

- Cơ sở hạ tầng tiếp tục được đầu tư, cải tạo và nâng cấp; điều kiện lao động, môi trường làm việc, sinh hoạt được cải thiện; trang thiết bị phục vụ sản xuất tiếp tục được cơ giới hóa; chất lượng lao động và chất lượng sản phẩm được nâng lên.

- Mặc dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng Công ty vẫn thu hút và giữ được lực lượng lao động có tay nghề; các khoản đóng góp cho ngân sách địa phương đạt kế hoạch.

- Năm 2020 đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty đã nỗ lực khai thác được 22.755,14 tấn quặng nguyên khai, đạt 110,10% kế hoạch. Sản lượng khai thác vượt kế hoạch nhưng hàm lượng kim loại thấp, không ổn định nên chỉ tiêu chế biến như tinh quặng kẽm và chì kim loại không đạt được chỉ tiêu kế hoạch đặt ra cụ thể: Sản lượng tinh quặng chì 60%Pb đạt 4.054,304 tấn đạt 100,9% kế hoạch; Tinh quặng kẽm chỉ đạt 2.607,48 tấn đạt 81,13% kế hoạch. Riêng nhà máy luyện chì hoạt động ổn định đạt công suất nhưng chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch do thiếu nguyên liệu, sản lượng sản xuất đạt 5.131,612 tấn đạt 91,64% kế hoạch. Trong năm do ảnh hưởng mạnh mẽ của dịch bệnh Covid-19 giao thương hạn chế, để tháo gỡ khó khăn cho Công ty về tài chính Hội đồng quản trị đã có nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐQT ngày 15/10/2020 bổ sung kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, theo đó đã bổ sung kế hoạch tiêu thụ thêm 3.000 tấn tinh quặng kẽm; Tuy nhiên đến cuối năm vẫn không có khách mua dẫn đến chỉ tiêu về doanh thu của Công ty không đạt được theo kế hoạch đặt ra, chỉ đạt 68,02%.

Những kết quả đạt được trong năm 2020 cụ thể như sau:

Bảng 1: Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Tỷ lệ thực hiện (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	20.667,0	22.755,14	110,10
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	4.018,0	4.054,30	100,90
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	3.214,0	2.607,48	81,13
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	6.000,0	5.423,02	90,38
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	5.000,0	0	-
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	5.600,0	5.131,61	91,64
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	314,6	214,69	68,24
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	0,72	-23,03	-
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	24,14	21,14	87,57
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	5,2	5,285	101,63
8	Thu nhập bình quân	Tr. đồng	7,4	7,5	101,35
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Tỷ đồng	112,2	18,17	15,30

Bảng 2: Chi tiết các khoản nộp ngân sách nhà nước năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2019	Phát sinh trong kỳ năm 2020		Số còn phải nộp tại thời điểm 31/12/2020
			Số phải nộp	Số đã nộp	
1	Thuế GTGT phải nộp	3 566 639 336	4 079 116 759	6 770 864 095	874 892 000
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	23 715 034	12 687 444	10 796 665	25 605 813
3	Thuế thu nhập Doanh nghiệp	4 407 964 081	-	3 959 971 199	447 992 882
4	Thuế tài nguyên	797 891 617	5 742 789 975	5 337 895 815	1 202 785 777
5	Thuế Bảo vệ môi	347 544 000	1 219 892 950	1 219 892 950	347 544 000

	trường và thuế khác				
6	Thuế thu nhập cá nhân	223 049 520	202 733 231	362 265 082	63 517 669
7	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		4 613 577 059	3 480 472 544	1 133 104 515
Tổng cộng		9 366 803 588	15 870 797 418	21 142 158 350	4 095 442 656

Bảng 3: Chi tiết tổng vốn đầu tư thực hiện năm 2020

STT	Chi phí đầu tư	Giá trị (tỷ đồng)
1	Mỏ Nà Bốp- Pù Sáp	0,79
2	Mỏ Nà Duồng	3,5
3	Dự án Nhà máy luyện chì	9,861
	- Xử lý môi trường (Buồng túi vải)	8,306
	- Lò luyện chì mới	1,15
	- San lấp mặt bằng và làm kè taluy khu thấp khứ lưu huỳnh	0,361
	- Máy bơm nước MSE	0,044
4	Xưởng máy ép viên	0,915
5	Nhà Văn phòng Thái Nguyên	0,045
6	Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Lũng Váng	3,059
Tổng cộng		18,17

2. Công tác nhân sự:

2.1. Ban điều hành Công ty:

Hiện nay Ban điều hành gồm 04 thành viên cụ thể như sau:

Bảng 4: Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đình Văn Hiến	Tổng giám đốc	
2	Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng giám đốc	
3	Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng giám đốc	
4	Trần Văn Quyền	Phó Tổng giám đốc	
5	Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng giám đốc	

2.2. Các quyết định quan trọng về tổ chức bộ máy, nhân sự Công ty:

- Trên cơ sở về tổ chức bộ máy, nhân sự và các đơn vị trực thuộc đã được thành lập, trong năm 2020 không có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức.
- Về nhân sự cấp cao trong năm 2020: Không có sự thay đổi.
- Trong năm 2020, Tổng giám đốc đã bổ nhiệm 01 Chánh văn phòng, 01 Giám đốc, 02 phó Giám đốc xí nghiệp mỏ Nà Duồng; một số trưởng, phó các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

2.3. Tổng số lao động toàn Công ty năm 2020:

Tổng số lao động của toàn Công ty là gần 700 người, trong đó Công ty con hơn 200 người.

2.4. Công tác đào tạo:

Trong năm 2020, tuy ảnh hưởng của dịch covid-19 nhưng Công ty vẫn thực hiện các khóa đào tạo, huấn luyện liên quan đến vật liệu nổ, hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh lao động...

3. Kết quả triển khai thực hiện các dự án đầu tư:

3.1. Hoạt động khai thác năm 2020:

- Mỏ Nà Bốp - Pù Sáp tiếp tục hoạt động ổn định, sản lượng khai thác đạt 20.584,310 tấn quặng.
- Mỏ Lũng Váng sản lượng đạt 1.186,91 tấn quặng.
- Mỏ Nà Duồng: Đã được cấp giấy phép khai thác vào tháng 07/2020, hoàn thành công tác xây dựng cơ bản mỏ và đi vào hoạt động có sản phẩm từ tháng 10/2020, sản lượng khai thác đạt: 983,920 tấn.

3.2. Hoạt động sản xuất, chế biến:

- Nhà máy luyện chì: Nhà máy hoạt động ổn định, sản lượng sản xuất đạt 5.423,02 tấn chì kim loại (hàm lượng Pb \geq 97%).
- Nhà máy sản xuất bột kẽm ôxít: Đã cải tạo, sửa chữa xong; tiếp tục hoàn thiện các thủ tục về bảo vệ môi trường, xử lý chất thải nguy hại để có nguồn nguyên liệu mới phục vụ sản xuất.
- Sản xuất, kinh doanh đồ uống: Nhà máy CBRQ-NGK Bắc Kạn chỉ duy trì sản xuất nước cấp cho các đơn vị để phục vụ sinh hoạt.

3.3. Hoạt động thăm dò:

- Mỏ Bó Nặm: Đang tạm dừng công tác thăm dò.

3.4. Hoạt động đầu tư khác:

- Năm 2020 Công ty không có các hoạt động đầu tư ra bên ngoài.

595
TY
AN
SÁ
AN
BẮC

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Về khai thác, thăm dò khoáng sản:

- Tiếp tục khai thác mỏ Nà Bốp - Pù Sáp đạt sản lượng 17.000 tấn quặng/năm.
- Mỏ Lũng Váng: Dự kiến đưa mỏ hoạt động trở lại vào Quý III/2021 với công suất được cấp phép 1.650 tấn quặng/năm. Hoàn thiện công tác thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ theo quy định để nâng công suất khai thác lên khoảng 17.000 tấn quặng/năm.

- Mỏ Nà Duồng: Khai thác đạt công suất 4.750 tấn quặng/năm theo giấy phép đã được cấp.

- Hoàn thiện hồ sơ xin cấp phép thăm dò 04 điểm mỏ có triển vọng trong tỉnh. Tiếp tục tạm dừng thăm dò mỏ chì kẽm Bó Nặm để tập trung thăm dò 04 điểm mỏ vừa nêu khi được cấp giấy phép.

2. Về chế biến khoáng sản:

- Tiếp tục thuê Công ty TNHH tập đoàn Thiên Mã tuyển quặng từ mỏ Nà Bốp - Pù Sáp, Lũng Váng, Nà Duồng theo thực tế khai thác.

- Vận hành nhà máy luyện chì đạt sản lượng 6.000 tấn/năm; chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu bên ngoài để đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, đạt công suất.

- Sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì kẽm” sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đưa nhà máy Bột kẽm ô xít vào hoạt động song song với nhà máy Luyện chì. Dự kiến kế hoạch sản phẩm đạt 5.000 tấn bột kẽm ô xít.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý chủ trương đầu tư tổ hợp dây truyền để luyện kẽm và điện phân kẽm gồm: Nhà máy xử lý sunfua kẽm, Nhà máy xử lý tách hòa tan ô xít kẽm, Nhà máy điện phân kẽm và các công trình phụ trợ phục vụ dự án tại Khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới.

3. Các hoạt động khác:

- Tiếp tục đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng tại thành phố Thái Nguyên với quy mô 10 tầng nổi, 01 tầng bán hầm, 01 tầng tum trên diện tích khu đất 237,4m² theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2133/QĐ-UBND ngày 12/07/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Tiếp tục triển khai các dự án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện, trong đó có xây mới hồ chứa đê chắn lũ xả nước tưới.

- Tiếp tục rà soát từng khâu trong khai thác để cắt giảm tối đa chi phí, giảm giá thành khai thác.

4. Các chỉ tiêu chính năm 2021:

Bảng 5: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	So sánh với kế hoạch năm 2020 (%)
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	20.300,0	98,22
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến			
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	3.866,0	96,22
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	2.498,0	77,72
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	6.000,0	100,0
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	6.500,0	-
3	Khối lượng hàng hóa xuất bán			
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	8.300,0	166,0
	- Chì kim loại (hàm lượng $\geq 97\%$)	Tấn	6.000,0	107,14
	- Bột kẽm ô xít	Tấn	5.000,0	-
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	459,9	146,19
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	23,7	-
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	35,6	147,47
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	6,8	130,77
8	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	7,6	102,70
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Tỷ đồng	59,665	49,61

5. Nhu cầu vốn năm 2021:

Bảng 6: Nhu cầu vốn cho các dự án của Công ty năm 2021

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Tên dự án	Thành tiền	Ghi chú
1	Thăm dò 4 điểm mỏ trong tỉnh	20,0	Nguồn vốn tự có và vốn vay
2	Nhà chứa nguyên liệu, thành phẩm (3.000m ²) phục vụ NM luyện chì, ô xít	7,0	Nguồn vốn tự có và vốn vay

3	Hồ chứa đuôi thải xưởng tuyển	5,0	Nguồn vốn tự có và vốn vay
4	Xây tòa nhà văn phòng ở Thái Nguyên	27,665	Nguồn vốn tự có và vốn vay
	Tổng cộng	59,665	

Trên đây là báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ 2021;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- BKS;
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đình Văn Hiến

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn!

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (“BKS”) báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2020 thế giới cũng như trong nước bị ảnh hưởng trực tiếp của đại dịch covid-19, đã tác động đến mọi ngõ ngách của nền kinh tế; Công ty có giai đoạn đã buộc phải thu hẹp sản xuất. Nhưng với quyết tâm của HĐQT định hướng dẫn dắt công ty và những cố gắng của Ban Tổng giám đốc đã giúp Công ty vượt qua những khó khăn. Doanh thu năm 2020 chủ yếu vẫn là chì kim loại, còn sản phẩm kẽm sản xuất ra vẫn tồn kho một lượng rất lớn.

Trong năm 2020, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Công ty như: Báo cáo hoạt động của BKS trong năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thương niên năm 2020; Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban điều hành Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; Xem xét thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán; Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Bảng 1: Chỉ tiêu sản xuất và kết quả thực hiện năm 2020

DVT: Tấn

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	% hoàn thành KH	% thực hiện 2020/2019
1	Khai thác quặng nguyên khai	20.667	22.755,14	24.480,94	110 %	93 %

2	Tinh quặng chì (60%)	4.018	4.054,30	5.282,60	101 %	77 %
3	Tinh quặng kẽm (50%)	3.214	2.607,48	3.236,33	81 %	81 %
4	Chì kim loại ($\geq 97\%Pb$)	6.000	5.423,02	4.698,72	90 %	115 %
5	Chì kim loại xuất bán	5.600	5.131,61	5.627,91	92 %	91 %

Bảng 2: Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2020

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% hoàn thành KH
1	Tổng doanh thu	266,6	214,69	81%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	0,72	(23,03)	không đạt

Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty như sau:

- Hoạt động khai thác và chế biến cơ bản là hoàn thành kế hoạch, tuy tinh quặng kẽm chỉ đạt 81%, điều này cho thấy hàm lượng kim loại trong quặng đã giảm; Các chỉ tiêu này so với thực hiện năm 2019 đều thấp hơn.

- Đối với hoạt động chế biến sâu (luyện chì) chỉ đạt 90% kế hoạch, nhưng thực hiện cao hơn đến 15% so với năm 2019.

- Năm qua ở khâu tiêu thụ sản phẩm (chì thỏi) đều thấp hơn năm trước và kế hoạch đề ra dẫn tới chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận không đạt kế hoạch. Một điều quan trọng nữa ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận là tinh quặng kẽm không tiêu thụ được do giá thấp, nếu đem bán đi chỉ giải quyết được lợi ích trước mắt.

2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư năm 2020

2.1. Dự án khai thác quặng

Năm 2020 khai thác quặng chủ yếu vẫn là các mỏ Nà Bốp-Pù Sáp và Lũng Váng, đối với mỏ Nà Duồng đến quý 4 mới có sản lượng.

2.2. Dây chuyền tuyển nổi quặng sunfua chì kẽm

Thực hiện thuê Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã tuyển nổi quặng sunfua từ các mỏ của Công ty chuyển về.

2.3. Dự án Nhà máy luyện chì

Có thể nói hoạt động luyện chì ổn định, người lao động và cán bộ quản lý càng ngày làm chủ công nghệ.

III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2020

Trên cơ sở Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán, BKS tổng hợp một số nội dung tính đến thời điểm ngày 31/12/2020 như sau:

Bảng 3: Một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2020

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
1. Tổng tài sản	388.469.148.402	361.473.077.688
Trong đó:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.564.792.242	2.659.187.880
- Các khoản phải thu ngắn hạn	121.281.131.899	113.669.288.358
- Hàng tồn kho	136.524.245.389	110.047.241.401
- Tài sản ngắn hạn khác	5.733.678.617	4.046.230.167
- Các khoản phải thu dài hạn	2.253.714.883	2.024.265.590
- Tài sản cố định	84.619.960.741	82.552.585.348
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.925.798.347	13.245.898.905
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	19.988.251.895	19.988.251.895
- Tài sản dài hạn khác	9.577.574.389	13.240.128.144
2. Tổng nguồn vốn	388.469.148.402	361.473.077.688
Trong đó:		
- Nợ phải trả ngắn hạn	246.571.341.194	201.544.777.787
- Nợ phải trả dài hạn	10.000.000.000	5.000.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	117.377.280.000	117.377.280.000
- Thặng dư vốn cổ phần	17.052.895.190	17.052.895.190
- Các quỹ khác	15.574.071.618	15.574.071.618
- Lợi nhuận chưa phân phối	(18.106.439.600)	4.924.053.093

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM QUA

1. Sản lượng sản xuất:

ĐVT: Tấn

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
1	Quặng nguyên khai	20.681,57	21.784,29	29.355,00	24.480,94	22.755,14
	So sánh năm sau/năm trước		105 %	135 %	83 %	93 %
2	Tinh quặng chì 60%	3.534,09	4.685,11	5.689,00	5.282,60	4.054,30
	So sánh năm sau/năm trước		133 %	121 %	93 %	77 %
3	Tinh quặng kẽm 50%	3.346,39	2.750,65	3.903,00	3.236,33	2.607,48
	So sánh năm sau/năm trước		82 %	142 %	83 %	81 %
4	Chì kim loại \geq 97% Pb	790,73	355,62	3.100	4.698,72	5.423,02
	So sánh năm sau/năm trước		45 %	872 %	152 %	115 %

2. Khối lượng sản phẩm xuất bán:

ĐVT: Tấn

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
1	Tinh quặng chì 60%	2.682,57	3.366,41			
	So sánh năm sau/năm trước		125 %			
2	Tinh quặng kẽm 50%	2.505,79	3.943,41	4.322,00		
	So sánh năm sau/năm trước		157 %	110 %		
3	Chì kim loại \geq 97% Pb	825,21	355,00	2.165,00	5.627,91	5.131,61

	So sánh năm sau/năm trước		43 %	610 %	260 %	91 %
--	---------------------------	--	------	-------	-------	------

3. Kết quả hoạt động kinh doanh:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
1	Doanh thu trong kỳ	159.112	188.413	187.054	254.355	219.385
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.711	3.004	(8.996)	12.773	(23.030)
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	1,08 %	1,59 %	-4,81 %	5,02 %	-10,5 %
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	1,46 %	2,56 %	-7,66 %	10,88 %	-19,62 %

4. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

4.1. Nhân sự Ban kiểm soát: Gồm 3 Thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời điểm
1	Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban	28/04/2016
2	Ông Đặng Thanh Vân	Kiểm soát viên	28/04/2016
3	Ông Vũ Gia Hạnh	Kiểm soát viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2017
4	Ông Bùi Đức Hùng	Kiểm soát viên	Bầu bổ sung ngày 29/04/2017

4.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Nhiệm kỳ 5 năm qua, BKS hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của mình nhưng vẫn còn rất thụ động nên hiệu quả còn thấp.

V. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

5.1. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

5.1.1. Đối với Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong năm 2020 BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, năm 2020 đã tổ chức 04 cuộc họp và nhiều lần xin ý

kiến bằng văn bản để thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng. Hội đồng quản trị đã ban hành 10 Nghị quyết, Quyết định liên quan tới công tác nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, nhu cầu vốn và kế hoạch phát triển của Công ty thuộc thẩm quyền.

Qua giám sát, BKS đánh giá HĐQT tổ chức triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Các vấn đề, nội dung cuộc họp được HĐQT chuẩn bị đầy đủ, chu đáo và được thảo luận công khai, biểu quyết thông qua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.

- Các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Hoặc những quyết định quan trọng của HĐQT mà không thể họp trực tiếp thì đều xin ý kiến bằng email đảm bảo tuân thủ quy định Pháp luật và Điều lệ công ty.

5.1.2. Đối với Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty đã triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT và thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Cụ thể:

- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh: Việc sản xuất kinh doanh năm 2020 tuy gặp nhiều khó khăn nhưng nhìn chung Ban Tổng giám đốc luôn triển khai kịp thời, đảm bảo tiến độ. Quản lý đầu vào, đầu ra trong công tác quản trị doanh nghiệp có tiến bộ. Các báo cáo định kỳ, bất thường đối với công ty đại chúng Công ty thực hiện tốt. Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Các chế độ lương, thưởng, phúc lợi, bảo hiểm được thực hiện đầy đủ.

- Công tác kế toán: Thực hiện nghiêm túc việc thuê đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo năm đúng quy định đối với Công ty đại chúng. Kiểm toán viên đã có ý kiến, báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp. Nhưng cũng cần phải quan tâm đến ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

5.1.3. Đối với cổ đông

Qua công tác giám sát, BKS không phát hiện cổ đông của Công ty vi phạm các quy định của Luật Chứng khoán, vi phạm công bố thông tin. Trong năm BKS cũng không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BKS và Cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

5.2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong quá trình thực hiện chức năng giám sát của mình, BKS luôn nhận được sự phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận, cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS năm 2020, kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét và cho ý kiến.

Cuối cùng xin chúc quý vị Đại biểu, quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc Công ty thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, kế hoạch trong năm 2021.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thế Phòng



CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	9 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Trụ sở chính của Công ty tại: tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Theo thông báo số 831/TB-SGDHN ngày 20/8/2020, cổ phiếu BKC của Công ty không được phép giao dịch ký quỹ từ ngày 24/8/2020.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Phi Hổ	Chủ tịch
	Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên
	Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đinh Văn Hiến

Người đại diện pháp luật

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Số: 127/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 24/3/2021, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào cho năm tài chính kết thúc tại thời điểm 31/12/2019 và 31/12/2020 cũng như không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về khả năng thu hồi của khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2020 và đưa ra các đề nghị điều chỉnh kế toán (nếu có) đối với khoản đầu tư trên theo Phương pháp vốn chủ sở hữu cho Báo cáo tài chính riêng. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2020 cũng như ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.4, Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại thời điểm 31/12/2020 trong số dư Phải thu khác dài hạn của Công ty có các khoản phải thu chuyển tiền ứng vốn lưu động cho Công ty con - Công ty TNHH Việt Trung phục vụ sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận tại hợp đồng số 156 ngày 08/12/2016. Các khoản phải thu này không có các tài sản đảm bảo nên có thể tồn tại rủi ro về khả năng thu hồi. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng sẽ thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu này trong tương lai và không có ảnh hưởng trọng yếu khác đến Báo cáo tài chính. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.


Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		251.971.425.659	221.217.097.775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.507.197.641	2.561.252.203
1. Tiền	111		1.507.197.641	2.561.252.203
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		109.969.483.695	106.292.572.440
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	91.353.849.789	106.045.067.787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	22.226.739.941	3.530.450.207
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.735.003.288	1.927.990.388
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(5.346.109.323)	(5.210.935.942)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	136.106.548.921	109.685.754.963
1. Hàng tồn kho	141		137.557.889.905	111.137.095.947
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.451.340.984)	(1.451.340.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.388.195.402	2.677.518.169
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	4.331.673.503	2.357.385.398
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		56.521.899	56.521.899
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	-	263.610.872
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		163.434.733.827	162.781.011.139
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.137.521.337	50.025.042.201
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	55.137.521.337	50.025.042.201
II. Tài sản cố định	220		78.571.844.169	76.437.049.471
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	78.373.087.930	76.158.790.736
- Nguyên giá	222		202.969.351.692	185.296.490.481
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(124.596.263.762)	(109.137.699.745)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	198.756.239	278.258.735
- Nguyên giá	228		1.111.264.959	1.111.264.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(912.508.720)	(833.006.224)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.925.798.347	12.467.648.099
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	6.925.798.347	12.467.648.099
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	19.988.251.895	19.988.251.895
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.205.922.401	6.205.922.401
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.257.416.075	15.257.416.075
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.475.086.581)	(21.475.086.581)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.811.318.079	3.863.019.473
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	2.811.318.079	3.863.019.473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		415.406.159.486	383.998.108.914

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		246.875.756.612	197.031.857.432
I. Nợ ngắn hạn	310		236.875.756.612	192.031.857.432
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	14.955.678.179	12.224.618.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		653.907.190	637.775.688
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	4.055.810.738	9.271.090.348
4. Phải trả người lao động	314		3.906.145.594	3.473.836.731
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	13.733.918.534	6.485.327.456
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	13.556.706.685	13.810.168.577
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	185.937.048.942	146.052.499.737
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II. Nợ dài hạn	330		10.000.000.000	5.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	10.000.000.000	5.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.530.402.874	186.966.251.482
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	168.530.402.874	186.966.251.482
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.377.280.000	117.377.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.526.156.066	36.962.004.674
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.962.004.674	21.805.671.748
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(18.435.848.608)	15.156.332.926
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		415.406.159.486	383.998.108.914
(440 = 300+400)				

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật



Trần Thị Tuyết



Trần Thị Yên



Đình Văn Hiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	214.619.177.986	234.184.850.605
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		214.619.177.986	234.184.850.605
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	208.315.865.825	199.905.153.897
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.303.312.161	34.279.696.708
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	11.504.500	4.372.784.047
7. Chi phí tài chính	22	5.21	15.296.377.606	19.966.227.857
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.296.377.606	11.932.463.677
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	10.657.833.810	12.114.809.649
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(19.639.394.755)	6.571.443.249
11. Thu nhập khác	31	5.23	4.639.857.981	14.712.139.636
12. Chi phí khác	32	5.23	3.436.311.834	2.167.878.760
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	1.203.546.147	12.544.260.876
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(18.435.848.608)	19.115.704.125
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	-	3.959.371.199
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(18.435.848.608)	15.156.332.926

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật



Trần Thị Tuyết



Trần Thị Yên



Đình Văn Hiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
		4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(18.435.848.608)	19.115.704.125
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	15.538.066.513	19.274.579.766
- Các khoản dự phòng	03	135.173.381	9.913.228.315
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.504.500)	(13.855.529.582)
- Chi phí lãi vay	06	15.296.377.606	11.932.463.677
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.522.264.392	46.380.446.301
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.660.952.900)	(89.562.423.727)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(26.420.793.958)	9.877.655.961
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	5.423.743.918	960.934.471
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(922.586.711)	1.595.976.560
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.895.969.687)	(8.231.842.836)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.959.971.199)	(4.232.776.065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(31.914.266.145)	(43.212.029.335)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.035.842.122)	(6.025.513.843)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	10.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(11.524.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.504.500	488.243.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.024.337.622)	(7.061.270.294)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	212.860.452.080	226.898.625.286
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(167.975.902.875)	(174.337.276.417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	44.884.549.205	52.561.348.869
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.054.054.562)	2.288.049.240
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.561.252.203	273.202.963
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.507.197.641	2.561.252.203

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Trần Thị Tuyết

Trần Thị Yến

Đình Văn Hiến

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Công ty là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Theo thông báo số 831/TB-SGDHN ngày 20/8/2020, cổ phiếu BKC của Công ty không được phép giao dịch ký quỹ từ ngày 24/8/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Số lao động tại ngày 31/12/2020 là 351 người (tại ngày 31/12/2019 là 406 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản; Chung, tinh cất và pha chế rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,....

Hiện tại, Công ty quản lý và khai thác các mỏ sau: Mỏ chì kẽm Nà Bốp - Pù Sáp, thời hạn khai thác đến tháng 12/2029; Mỏ Chì Kẽm - Nà Duông, thời hạn khai thác đến hết năm 2030.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến BCTC

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu của Công ty giảm 19.565.672.619 đồng và Kết quả hoạt động năm 2020 của Công ty lỗ (18.435.848.608 đồng). Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Bằng Lãng;
 Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn;
 Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng;
 Xí nghiệp Khai thác mỏ Pù Sáp;
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên;
 Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA;
 Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn;
 Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội;
 Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientiane – Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty TNHH Việt Trung	Khai thác khoáng sản	100%	100%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Thương mại, du lịch	26,5%	26,5%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào	Khai thác khoáng sản (Chưa hoạt động)	23%	23%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (Công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao cụ thể:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Quyền sử dụng đất	20

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ thời gian phân bổ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay trích trước theo hợp đồng vay, lãi thanh toán vào cuối kỳ khi trả nợ gốc và các chi phí trích trước khác.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh riêng thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	409.717.630	301.535.967
Tiền gửi ngân hàng	1.097.480.011	2.259.716.236
Tổng	1.507.197.641	2.561.252.203

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	91.353.849.789	106.045.067.787
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	87.717.050.408	102.401.441.888
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Các đối tượng khác (*)	746.398.761	753.225.279
<i>Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>90.607.451.028</i>	<i>105.293.990.511</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>		
Tổng	91.353.849.789	106.045.067.787

(*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng.

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CP Composite và Công nghệ Ánh Dương- Lê Văn Thắng	868.216.000	-
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO	1.809.537.294	285.250.000
Các đối tượng khác (*)	17.179.493.473	-
	2.369.493.174	3.245.200.207
Tổng	22.226.739.941	3.530.450.207

(*): Các đối tượng khác bao gồm khoản trả trước cho người bán có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ trả trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.735.003.288	-	1.927.990.388	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	-	-
Công ty Liên doanh	462.590.470	-	462.590.470	-
Kim loại màu Việt Bắc	592.801.276	-	849.020.376	-
Phải thu khác	579.611.542	-	616.379.542	-
Tạm ứng				
Dài hạn	55.137.521.337	-	50.025.042.201	-
Ký cược, ký quỹ	1.687.206.144	-	1.457.756.851	-
Công ty TNHH MTV	53.450.315.193	-	48.567.285.350	-
Việt Trung (*)				
Tổng	56.872.524.625	-	51.953.032.589	-

(*) Công ty chuyển tiền ứng vốn lưu động cho Công ty con - Công ty TNHH MTV Việt Trung phục vụ sản xuất kinh doanh theo thỏa thuận tại hợp đồng số 156 ngày 08/12/2016, lãi suất 0%.

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.768.916.446	422.807.123	5.586.459.667	375.523.725
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn trên 6 tháng	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	-	-	-	2.890.400.620
Các đối tượng khác	-	-	-	2.878.515.826
Tổng				5.768.916.446

(*) Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

5.6 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.134.109.454	(1.451.340.984)	24.970.700.174	(1.451.340.984)
Công cụ, dụng cụ	1.057.600.710	-	1.499.705.669	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.607.237.805	-	8.200.635.761	-
Thành phẩm	87.378.874.425	-	48.881.977.832	-
Hàng hóa	31.380.067.511	-	27.584.076.511	-
Tổng	137.557.889.905	(1.451.340.984)	111.137.095.947	(1.451.340.984)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	92.634.200.033	81.548.885.121	8.836.121.653	344.630.205	1.932.653.469	185.296.490.481
Tăng trong năm	16.251.911.211	985.950.000	435.000.000	-	-	17.672.861.211
Mua trong năm	-	985.950.000	435.000.000	-	-	1.420.950.000
Đầu tư XDCB	16.251.911.211	-	-	-	-	16.251.911.211
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	108.886.111.244	82.534.835.121	9.271.121.653	344.630.205	1.932.653.469	202.969.351.692
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	47.114.209.492	54.707.433.567	5.072.442.042	320.387.793	1.923.226.851	109.137.699.745
Tăng trong năm	8.836.362.976	5.686.943.111	919.770.700	6.060.612	9.436.667	15.458.574.066
Khấu hao trong năm	8.836.362.976	5.686.933.062	919.770.700	6.060.612	9.436.667	15.458.564.017
Phân loại lại	-	10.049	-	-	-	10.049
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.049	10.049
Phân loại lại	-	-	-	-	10.049	10.049
Số dư tại 31/12/2020	55.950.572.468	60.394.376.678	5.992.212.742	326.448.405	1.932.653.469	124.596.263.762
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2020	45.519.990.541	26.841.451.554	3.763.679.611	24.242.412	9.426.618	76.158.790.736
Tại 31/12/2020	52.935.538.776	22.140.458.443	3.278.908.911	18.181.800	-	78.373.087.930

Công ty đã thế chấp nhà xưởng và một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 40.575.779.151 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (tại ngày 31/12/2019 là: 27.999.489.896 đồng).

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 57.381.073.486 đồng (tại ngày 31/12/2019 là: 48.203.838.641 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	1.111.264.959	1.111.264.959
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	1.111.264.959	1.111.264.959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2020	833.006.224	833.006.224
Tăng trong năm	79.502.496	79.502.496
Khấu hao trong năm	79.502.496	79.502.496
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	912.508.720	912.508.720
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2020	278.258.735	278.258.735
Tại 31/12/2020	198.756.239	198.756.239

5.9 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.925.798.347	6.925.798.347	12.467.648.099	12.467.648.099
Nhà máy bột kẽm	-	-	3.678.956.378	3.678.956.378
Dự án mỏ Vàng Pác Lạng	3.791.282.154	3.791.282.154	3.831.282.154	3.831.282.154
Nhà máy luyện chì	200.015.229	200.015.229	3.367.908.603	3.367.908.603
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Khoan thăm dò mỏ Bó Nặm	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
Các dự án khác	45.000.000	45.000.000	-	-
Tổng	6.925.798.347	6.925.798.347	12.467.648.099	12.467.648.099

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		31/12/2020			01/01/2020		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			20.000.000.000	(20.000.000.000)		20.000.000.000	(20.000.000.000)	
Công ty TNHH MTV Việt Trung	100%	100%	20.000.000.000	(20.000.000.000)	(*)	20.000.000.000	(20.000.000.000)	(*)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			6.205.922.401	(1.475.086.581)		6.205.922.401	(1.475.086.581)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	26,50%	26,50%	1.475.086.581	(1.475.086.581)	(*)	1.475.086.581	(1.475.086.581)	(*)
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	23%	23%	4.730.835.820	-	(*)	4.730.835.820	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			15.257.416.075	-		15.257.416.075	-	
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản Luyện kim Bắc Kạn			120.000.000	-	(*)	120.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	5,41%	5,41%	15.137.416.075	-	(*)	15.137.416.075	-	(*)
Tổng			41.463.338.476	(21.475.086.581)		41.463.338.476	(21.475.086.581)	

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	4.331.673.503	2.357.385.398
Chi phí nhà máy luyện chì	94.705.652	225.656.229
Chi phí công cụ, dụng cụ	401.255.168	535.535.600
Chi phí sửa chữa nhà máy bột kẽm - XNCD	2.659.953.871	1.191.334.137
Chi phí khác chờ phân bổ mỏ Nà Duông	1.175.758.812	404.859.432
Dài hạn	2.811.318.079	3.863.019.473
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pốp-Pù Sáp	503.238.185	647.020.524
Chi phí sửa chữa, cải tạo	628.132.229	990.251.439
Chi phí công cụ, dụng cụ	772.944.566	1.802.046.482
Chi phí khác chờ phân bổ	907.003.099	423.701.028
Tổng	7.142.991.582	6.220.404.871

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	14.955.678.179	14.955.678.179	12.224.618.145	12.224.618.145
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	4.719.696.962	4.719.696.962	1.359.467.600	1.359.467.600
Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh sản xuất Xây dựng Cường Lan	457.644.219	457.644.219	2.056.480.989	2.056.480.989
Công ty TNHH Vinamico	790.577.480	790.577.480	770.074.420	770.074.420
Phải trả người bán ngắn hạn khác (*)	8.987.759.518	8.987.759.518	8.038.595.136	8.038.595.136
<i>Trong đó: Phải trả tại các bên liên quan</i>	<i>4.719.696.962</i>	<i>4.719.696.962</i>	<i>1.359.467.600</i>	<i>1.359.467.600</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>				
Tổng	14.955.678.179	14.955.678.179	12.224.618.145	12.224.618.145

(*): Phải trả các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả các nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả người bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Thuế và các khoản thu, phải nộp nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Phải nộp	9.271.090.348	15.831.077,944	21.046.357.554	4.055.810.738
Thuế giá trị gia tăng	3.566.639.336	4.079.116,759	6.770.864.095	874.892.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	23.715.034	12.687,444	10.796.665	25.605.813
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.407.964.081	-	3.959.971.199	447.992.882
Thuế thu nhập cá nhân	127.336.280	163.013,757	266.464.286	23.885.751
Thuế tài nguyên	797.891.617	5.742.789,975	5.337.895.815	1.202.785.777
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	347.544.000	1.219.892,950	1.219.892.950	347.544.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.613.577,059	3.480.472.544	1.133.104.515
Phải thu	263.610.872	263.610,872	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	263.610.872	263.610,872	-	-

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	13.733.918.534	6.485.327.456
Chi phí lãi vay	9.714.649.607	4.383.506.756
Các khoản khác	4.019.268.927	2.101.820.700
Tổng	13.733.918.534	6.485.327.456

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	13.556.706.685	13.810.168.577
Kinh phí công đoàn	1.040.747.053	1.248.743.117
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (1)	300.000.000	500.000.000
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (2)	3.911.834.400	3.911.834.400
Công ty TNHH Thương mại Trường Phong (3)	6.739.200.000	6.739.200.000
Phải trả, phải nộp khác	1.210.870.072	1.056.335.900
Tổng	13.556.706.685	13.810.168.577

(1) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pắc Lạng.

(2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án nhưng Công ty chưa trả lại số tiền.

(3) Phải trả chuyển tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Việt Trung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Vay ngắn hạn/dài hạn	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	185.937.048.942	185.937.048.942	212.860.452.080	172.975.902.875	146.052.499.737	146.052.499.737
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	24.994.983.781	24.994.983.781	63.880.111.239	56.093.380.570	17.208.253.112	17.208.253.112
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	29.999.249.270	29.999.249.270	64.230.340.841	64.175.522.305	29.944.430.734	29.944.430.734
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh (3)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (4)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	-	-	12.500.000.000	12.500.000.000	-	-
Hoàng Thị Thanh Hằng (5)	72.747.815.891	72.747.815.891	37.000.000.000	4.000.000.000	39.747.815.891	39.747.815.891
Nguyễn Thanh Hiến (5)	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trần Minh Thành (5)	8.500.000.000	8.500.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
Vũ Phi Hồ (5)	3.390.000.000	3.390.000.000	-	-	3.390.000.000	3.390.000.000
Hoàng Thị Minh Nguyệt (5)	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác (5)	13.305.000.000	13.305.000.000	13.250.000.000	8.207.000.000	8.262.000.000	8.262.000.000
<i>Trong đó: Vay ngắn hạn các bên liên quan - Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1</i>	39.551.000.000	39.551.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	37.472.000.000	37.472.000.000
Vay dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thanh Hiến (6)	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	195.937.048.942	195.937.048.942	217.860.452.080	172.975.902.875	151.052.499.737	151.052.499.737

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn

(1): Hợp đồng cho vay hạn mức số 25/2020-HĐCVHM/NHCT172-KHOANGSAN ngày 26/10/2020 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức cho vay : 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 26/10/2020 đến ngày 01/01/2021. Lãi suất được xác định theo từng Giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng lần lượt là Hợp đồng thế chấp số 06-18/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 07/02/2018 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng và sở hữu với các hạng mục xây lắp của nhà máy luyện chì công suất 5000 tấn/Năm Giá trị tài sản thế chấp: 14.975.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp số: 20/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/4/2020 Tài sản thế chấp là: máy vắt tinh quặng, máy thông gió ly tâm, máy nén khí trục vít, máy sấy không khí, lọc Hos, Biền tần, hệ thống túi lọc bụi lò sà, hệ thống rọ túi lọc bụi Giá trị tài sản thế chấp: 3.404.200.000 đồng; Hợp đồng thế chấp số: 19/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/4/2020 Tài sản thế chấp : Hệ thống kênh làm lạnh; lò luyện chì mới; sân kho chứa nguyên liệu thuộc nhà máy luyện chì 5000 tấn. Giá trị tài sản thế chấp là: 4.136.000.000 đồng.

(2): Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 02/2020/788949/HĐTD ký ngày 18/8/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh và được xác định theo từng hợp đồng vay cụ thể. Biện pháp bảo đảm: Các biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.

(3): Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐCV-2020 ngày 16/11/2020 kèm theo phụ lục Hợp đồng số 15/PLHĐCV/2019 ngày 13/9/2019 bổ sung thời hạn vay giữa Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày bên Vay nhận được tiền của bên cho Vay. Lãi suất: 11%/năm.

(4): Hợp đồng vay vốn số 23/06/2020/HĐVV-CTBX ngày 23/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm; Hợp đồng vay vốn số 22/06/2020/HĐVV-CTBX ngày 22/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm; Hợp đồng vay vốn số 19/06/2020/HĐVV-CTBX ngày 19/06/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm.

(5): Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 10,5%/năm.

Vay dài hạn

(6): Hợp đồng cho vay tiền số 100/HĐVT BKC-NTH ngày 21/12/2018 kèm phụ lục hợp đồng ký bổ sung thời hạn vay số 46/PLHĐ/BKC-NTH giữa Bà Nguyễn Thanh Hiền và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 21/12/2018. Lãi suất: 9%/năm; Hợp đồng cho vay tiền số 06/HĐVT 2019 BKC-NTH ngày 25/02/2019 kèm phụ lục hợp đồng ký bổ sung thời hạn vay số 02/PLHĐ/BKC-NTH giữa Bà Nguyễn Thanh Hiền và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 25/02/2019. lãi suất: 9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	21.805.671.748	171.809.918.556
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.156.332.926	15.156.332.926
Số dư tại 31/12/2019	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	36.962.004.674	186.966.251.482
Số dư tại 01/01/2020	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	36.962.004.674	186.966.251.482
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(18.435.848.608)	(18.435.848.608)
Số dư tại 31/12/2020	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	18.526.156.066	168.530.402.874

Theo Nghị Quyết số 01/2020/NQ - ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020, Đại hội đồng cổ đông năm 2020 có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế sau thuế năm 2019 như sau: Bù lỗ năm 2018: 8.996.192.491 đồng; số lợi nhuận còn lại sau khi bù lỗ năm 2018: 3.776.997.497 đồng, bổ sung vào nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.392.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bàn	8.638.280.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	46.093.720.000	46.093.720.000
Tổng	117.377.280.000	117.377.280.000

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	117.377.280.000	117.377.280.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	214.619.177.986	234.184.850.605
Tổng	214.619.177.986	234.184.850.605

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	208.315.865.825	199.905.153.897
Tổng	208.315.865.825	199.905.153.897

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.504.500	4.372.784.047
Tổng	11.504.500	4.372.784.047

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	15.296.377.606	11.932.463.677
Trích lập dự phòng đầu tư Công ty con	-	9.632.000.000
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư Công ty liên kết	-	(1.598.235.820)
Tổng	15.296.377.606	19.966.227.857

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.657.833.810	12.114.809.649
Chi phí nhân viên quản lý	7.313.076.862	8.525.444.983
Chi phí đồ dùng văn phòng	78.024.744	121.282.872
Chi phí khấu hao TSCĐ	477.986.601	458.251.332
Thuế phí và lệ phí	62.156.022	60.839.470
Chi phí dự phòng	146.773.381	462.669.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.265.316.066	960.530.268
Chi phí bằng tiền khác	1.320.300.134	1.560.337.573
Các khoản ghi giảm	(5.800.000)	(34.546.630)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(5.800.000)	(34.546.630)
Tổng	10.657.833.810	12.114.809.649

5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Thu từ cho thuê TSCĐ	4.545.454.548	4.545.454.548
Lãi thanh lý tài sản	-	10.000.000.000
Thu nhập khác	94.403.433	166.685.088
Tổng	4.639.857.981	14.712.139.636
Chi phí khác		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	170.979.780	87.447.820
Chi phí thanh lý tài sản	-	77.000.000
Lãi chậm nộp, phạt thuế	2.286.871.768	76.081.815
Chi phí phá dỡ tài sản	-	566.009.849
Chi phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn HĐLĐ	381.420.625	-
Chi phí khác	597.039.661	1.361.339.276
Tổng	3.436.311.834	2.167.878.760
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	1.203.546.147	12.544.260.876

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Bảo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(18.435.848.608)	19.115.704.125
Các khoản điều chỉnh tăng	2.526.371.768	681.151.870
<i>Chi phí không được trừ</i>	2.526.371.768	681.151.870
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận kế toán tính thuế TNDN	(15.909.476.840)	19.796.855.995
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN năm hiện hành	-	3.959.371.199
Tổng	-	3.959.371.199

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	182.707.962.637	124.730.769.900
Chi phí nhân công	42.696.394.019	45.077.122.067
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.538.066.513	19.187.131.946
Chi phí dự phòng	140.973.381	1.879.464.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.898.007.815	53.573.969.611
Chi phí khác bằng tiền	2.797.789.378	1.972.159.108
Tổng	305.779.193.743	246.420.616.767

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin về các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Sở hữu 25,56% cổ phần BKC Ông Nguyễn Trần Nhất là Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, đồng thời là Hội đồng Thành viên và sở hữu 70% vốn góp tại Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã.
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Sở hữu 17,58% cổ phần BKC
Công ty TNHH MTV Việt Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Công ty liên kết
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên BKS
Bà Trần Thị Yến	Kế toán trưởng

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1. Phải thu khách hàng		90.607.451.028	105.293.990.511
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán hàng	-	12.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng	-	2.136.003
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc	Bán hàng	87.717.050.408	102.401.441.888
2. Phải trả người bán		4.719.696.962	1.359.467.600
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Mua hàng	4.719.696.962	1.359.467.600
3. Phải thu khác		53.450.315.193	48.567.285.350
Công ty TNHH MTV Việt Trung	Mua hàng	53.450.315.193	48.567.285.350
4. Vay ngắn hạn		39.551.000.000	37.472.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Vay	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Vay	4.000.000.000	5.000.000.000
Chi nhánh Thái Nguyên	Vay	82.000.000	82.000.000
Ông Vũ Phi Hồ	Vay	3.390.000.000	3.390.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Vay	17.000.000.000	17.000.000.000
Bà Trần Thị Yến	Vay	447.000.000	-
Ông Bùi Đức Hùng	Vay	297.000.000	-
Ông Đinh Văn Hiến	Vay	497.000.000	-
Ông Đỗ Đình Thắng	Vay	447.000.000	-
Ông Nguyễn Trần Nhất	Vay	497.000.000	-
Ông Trần Văn Quyền	Vay	447.000.000	-
Ông Vũ Gia Hạnh	Vay	447.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Việt Trung	Tinh quặng chì	9.268.996.900	13.861.984.500
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tinh quặng chì	8.266.505.400	17.137.514.491
	Thuê vận chuyên, chế biến	14.841.099.700	-
	Chi phí phân tích mẫu	1.712.727.273	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Huy	Bộ điều áp	2.460.000	-
2. Bán hàng			
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng Nước tinh khiết	4.545.454.548 6.250.908	4.545.454.548 -
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Chì thời	199.706.671.100	186.408.221.116
3. Giao dịch khác			
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Nhận vay	12.000.000.000	5.000.000.000
	Trả vay	12.000.000.000	12.000.000.000
	Lãi vay	603.928.767	21.172.603
Công ty Cổ phần bến xe Quảng Ninh	Nhận vay	4.000.000.000	5.000.000.000
	Trả vay	5.000.000.000	12.700.000.000
	Lãi vay	313.643.836	698.794.521
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Nhận vay	-	17.000.000.000
	Lãi vay	1.530.000.000	1.417.315.068
Bà Phạm Thị Lan	Lãi vay	112.191.781	127.693.151
	Nhận vay	-	11.200.000.000
	Trả vay	5.000.000.000	6.200.000.000
Bà Trần Thị Yến	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.706	-
Ông Bùi Đức Hùng	Nhận vay	300.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	7.396.947	-
Ông Đinh Văn Hiến	Nhận vay	500.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	12.344.692	-
Ông Đỗ Đình Thắng	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.562	-
Ông Nguyễn Trần Nhất	Nhận vay	500.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	12.344.692	-
Ông Trần Văn Quyền	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.706	-
Ông Vũ Gia Hạnh	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.706	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch HĐQT	520.000.000	600.000.000
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Tổng		936.000.000	1.080.000.000
Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban	41.600.000	48.000.000
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên	31.200.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên	31.200.000	36.000.000
Tổng		104.000.000	120.000.000
Tiền lương của TGD và người quản lý khác			
Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc	366.149.539	399.303.839
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc	292.412.193	319.188.934
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	293.950.012	321.853.064
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	312.143.505	331.879.536
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc	292.412.193	11.135.453
Bà Trần Thị Yên	Kế toán trưởng	244.133.821	265.427.367
Ông Đặng Lam Giang (Đến ngày 01/09/2020)	Người công bố thông tin	21.600.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Vũ (Bỏ nhiệm từ ngày 01/09/2020)	Người công bố thông tin	9.600.000	-
Tổng		1.832.401.263	1.684.788.193

**6.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng

Trần Thị Yên
 Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021
 Người đại diện pháp luật
**Đinh Văn Hiến**

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn
www.cpvietnam.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018 là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK COPRORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Trụ sở chính của Công ty tại: tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Theo thông báo số 831/TB-SGDHN ngày 20/8/2020, cổ phiếu BKC của Công ty không được phép giao dịch ký quỹ từ ngày 24/8/2020.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch
	Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên
	Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban
	Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên
	Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đình Văn Hiến

Người đại diện theo pháp luật

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Số: 128/2021/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, được lập ngày 24/3/2021 từ trang 05 đến trang 33 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn - Lào cho năm tài chính kết thúc tại thời điểm 31/12/2019 và 31/12/2020 cũng như không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về khả năng thu hồi của khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2020 và đưa ra các đề nghị điều chỉnh kế toán (nếu có) đối với khoản đầu tư trên theo Phương pháp vốn chủ sở hữu cho Báo cáo tài chính hợp nhất. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản đầu tư này tại thời điểm 31/12/2020 cũng như ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với: (i) Chi phí trả trước dài hạn với giá trị 4.781.813.044 đồng và (ii) Tài sản cố định hữu hình với giá trị 778.250.806 đồng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 của Công ty con - Công ty TNHH MTV Việt Trung. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị của các khoản mục nêu trên trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Công ty đang tiến hành các thủ tục xin gia hạn giấy phép khai thác Quặng Chì - Kẽm tại khu vực Lũng Váng, thuộc xã Bằng Lăng, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029. Vấn đề này không liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		265.103.848.147	230.421.947.806
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.564.792.242	2.659.187.880
1. Tiền	111		1.564.792.242	2.659.187.880
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121.281.131.899	113.669.288.358
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	91.353.849.789	106.045.067.787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	32.092.161.740	8.085.734.345
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	3.181.229.693	4.749.422.168
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(5.346.109.323)	(5.210.935.942)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	136.524.245.389	110.047.241.401
1. Hàng tồn kho	141		137.975.586.373	111.498.582.385
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.451.340.984)	(1.451.340.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.733.678.617	4.046.230.167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	4.331.673.503	2.377.118.731
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		718.016.271	1.002.407.159
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	683.988.843	666.704.277
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		123.365.300.255	131.051.129.882
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.253.714.883	2.024.265.590
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	2.253.714.883	2.024.265.590
II. Tài sản cố định	220		84.619.960.741	82.552.585.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	84.135.057.875	81.959.241.398
- Nguyên giá	222		219.834.621.609	201.383.509.592
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(135.699.563.734)	(119.424.268.194)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	484.902.866	593.343.950
- Nguyên giá	228		1.689.368.672	1.689.368.672
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.204.465.806)	(1.096.024.722)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	6.925.798.347	13.245.898.905
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.925.798.347	13.245.898.905
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19.988.251.895	19.988.251.895
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	4.730.835.820	4.730.835.820
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	15.257.416.075	15.257.416.075
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.577.574.389	13.240.128.144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	9.577.574.389	13.240.128.144
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		388.469.148.402	361.473.077.688

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		256.571.341.194	206.544.777.787
I. Nợ ngắn hạn	310		246.571.341.194	201.544.777.787
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	23.803.669.671	20.505.511.337
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		653.907.190	637.775.688
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	4.095.442.656	9.366.803.588
4. Phải trả người lao động	314		4.355.257.902	4.276.643.049
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	13.733.918.534	6.485.327.456
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	13.915.555.549	14.143.676.182
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	185.937.048.942	146.052.499.737
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		76.540.750	76.540.750
II. Nợ dài hạn	330		10.000.000.000	5.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	10.000.000.000	5.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.897.807.208	154.928.299.901
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	131.897.807.208	154.928.299.901
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.377.280.000	117.377.280.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>117.377.280.000</i>	<i>117.377.280.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.052.895.190	17.052.895.190
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.574.071.618	15.574.071.618
8. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.106.439.600)	4.924.053.093
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>4.924.053.093</i>	<i>(7.849.136.895)</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(23.030.492.693)</i>	<i>12.773.189.988</i>
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		388.469.148.402	361.473.077.688
(440 = 300+400)				

Người lập



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021
 Người đại diện theo pháp luật



Đình Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	214.695.201.486	235.186.442.292
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		214.695.201.486	235.186.442.292
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	212.009.955.863	210.849.252.310
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.685.245.623	24.337.189.982
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	11.786.508	4.373.041.672
7. Chi phí tài chính	22	5.21	15.296.377.606	10.334.227.857
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.296.377.606	11.932.463.677
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	11.588.212.440	13.783.974.318
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(24.187.557.915)	4.592.029.479
12. Thu nhập khác	31	5.23	4.678.343.679	14.795.926.528
13. Chi phí khác	32	5.23	3.521.278.457	2.655.394.820
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.157.065.222	12.140.531.708
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(23.030.492.693)	16.732.561.187
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	3.959.371.199
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(23.030.492.693)	12.773.189.988
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		(23.030.492.693)	12.773.189.988
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	(1.962,09)	1.088,22

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Trần Thị Tuyết



Trần Thị Yến



Đình Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(23.030.492.693)	16.732.561.187
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	16.383.726.575	20.062.147.100
- Các khoản dự phòng	03	135.173.381	281.228.315
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.786.508)	(13.855.787.207)
- Chi phí lãi vay	06	15.296.377.606	11.932.463.677
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.772.998.361	35.152.613.072
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.709.359.893)	(87.367.076.959)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(26.477.003.988)	10.626.283.320
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	5.606.418.194	(2.647.033.965)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.707.998.983	4.451.736.108
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.895.969.687)	(8.231.842.836)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.959.971.199)	(4.232.776.065)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(31.954.889.229)	(52.248.097.325)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(14.035.842.122)	(6.566.422.934)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	10.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.892.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.786.508	488.501.174
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.024.055.614)	2.030.078.240
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	212.860.452.080	226.898.625.286
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(167.975.902.875)	(174.337.276.417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	44.884.549.205	52.561.348.869
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.094.395.638)	2.343.329.784
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.659.187.880	315.858.096
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.564.792.242	2.659.187.880

Người lập



Trần Thị Tuyết

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật



Đình Văn Hiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công nghiệp - Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-UB ngày 05/4/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn. Công ty được chuyển đổi (CPH) từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn theo Quyết định số 3020a/QĐ-UBND ngày 30/11/2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Khoáng sản Bắc Kạn thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1303000062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 29 tháng 3 năm 2006, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4700149595 thay đổi lần thứ 11 (mười một) ngày 06 tháng 11 năm 2018 là 117.377.280.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười bảy tỷ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: BACKAN MINERAL JOINT STOCK CORPORATION.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội; Mã cổ phiếu: BKC.

Theo thông báo số 831/TB-SGDHN ngày 20/8/2020, cổ phiếu BKC của Công ty không được phép giao dịch ký quỹ từ ngày 24/8/2020.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ 4 phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Số lao động tại ngày 31/12/2020 là 351 người (tại ngày 31/12/2019 là 406 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Nghành nghề kinh doanh: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại và quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Bán buôn thực phẩm; Chế biến và bảo quản hoa quả; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Tái chế phế liệu; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, Chi tiết: thăm dò khoáng sản; Chung, tinh cát và pha chế rượi mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khai thác, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản, kim loại đen, kim loại màu và kim loại quý hiếm; Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu nước giải khát,...

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Hiện tại, Công ty quản lý và khai thác các mỏ sau: Mỏ chì kẽm Nà Bốp - Pù Sáp, thời hạn khai thác đến tháng 12/2029; Mỏ Chì Kẽm - Nà Duồng, thời hạn khai thác đến hết năm 2030; Mỏ Chì Kẽm Lũng Váng - Chợ Đồn, thời hạn khai thác đến 31/12/2020 - Công ty đang làm các thủ tục xin gia hạn đến hết ngày 31/12/2029. Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1363/GP-BTNMT ngày 10/07/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Nguyên Môi Trường cho phép Công ty TNHH MTV Việt Trung khai thác Quặng Chì - Kẽm bằng phương pháp hầm lò tại khu vực Lũng Váng thuộc xã Bằng Lăng, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Thời hạn khai thác: Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo Văn bản số 2889/ĐCKS- KS ngày 22/10/2020 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc:

Đề có cơ sở xem xét, trình Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn có ý kiến về việc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty theo quy định. Ngày 03/12/2020 theo Văn bản số 7198/UBND-NNTNMT của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn đề nghị Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Tài nguyên Môi trường: Gia hạn Giấy khai thác số 1363/GP-BTNMT ngày 10/07/2014 cho Công ty TNHH MTV Việt Trung được tiếp tục khai thác mỏ chì kẽm Lũng Váng, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn tại Khu A và Khu C, thời hạn khai thác đến hết ngày 31/12/2029. Công ty không được phép khai thác khoáng sản tại Khu B theo ý kiến của Bộ Quốc phòng tại Văn bản số 1537/BQP-TM ngày 17/12/2017.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và Kết quả hoạt động năm 2020 của Công ty bị sụt giảm. Trong đó: doanh thu giảm so với cùng kỳ năm trước là: 20.491.240.806 đồng, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lỗ: (23.030.492.693) đồng. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị phụ thuộc như sau:

Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Bằng Lăng;
Xí nghiệp Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn;
Xí nghiệp Khai thác mỏ Nà Duồng;
Xí nghiệp Khai thác mỏ Pù Sáp;
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn tại Thái Nguyên;
Chi nhánh Nhà máy nước khoáng AVA;
Nhà máy chế biến rau quả nước giải khát Bắc Kạn;
Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tại Hà Nội;
Văn phòng đại diện tại thủ đô Vientiane - Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

1.6 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)*Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:*

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung	Khai thác khoáng sản	100%	100%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Thương mại, du lịch	26,5%	26,5%
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn Lào	Khai thác khoáng sản (Chưa hoạt động)	23%	23%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con được hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Mẹ là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn là Công ty TNHH MTV Việt Trung.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu -chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là Công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có Công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao
	<i>(Số năm)</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 09
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 06

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao cụ thể:

	Thời gian khấu hao
	<i>(Số năm)</i>
Quyền sử dụng đất	20

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ thời gian phân bổ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí lãi vay, chi phí khác: trích trước theo chi phí thực tế đã phát sinh

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm).

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: Theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là khai thác bán khoáng sản, hoạt động cung cấp dịch vụ và bán mặt hàng nước, rượu chiếm tỷ trọng rất nhỏ, không có bộ phận cung cấp dịch vụ chuyên trách, riêng biệt và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	414.283.326	311.379.135
Tiền gửi ngân hàng	1.150.508.916	2.347.808.745
Tổng	1.564.792.242	2.659.187.880

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	91.353.849.789	106.045.067.787
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	87.717.050.408	102.401.441.888
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	2.890.400.620	2.890.400.620
Phải thu các đối tượng khác (*)	746.398.761	753.225.279
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 6.1)</i>	<i>90.607.451.028</i>	<i>105.293.990.511</i>
Tổng	91.353.849.789	106.045.067.787

(*): Các đối tượng khác bao gồm khoản phải thu các khách hàng có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải thu khách hàng.

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO	17.179.493.473	-
Công ty TNHH Công nghệ Kim Bảo	9.325.465.199	4.029.077.538
Các đối tượng khác (*)	5.587.203.068	4.056.656.807
Tổng	32.092.161.740	8.085.734.345

(*): Các đối tượng khác bao gồm khoản trả trước cho người bán có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ trả trước.

5.4 Phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	3.181.229.693	-	4.749.422.168	-
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc	462.590.470	-	462.590.470	-
Công ty TNHH Công nghệ Kim Bảo	1.386.940.075	-	2.765.161.770	-
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	-	-	-
Tạm ứng	634.942.582	-	671.710.582	-
Phải thu khác	496.756.566	-	849.959.346	-
b) dài hạn	2.253.714.883	-	2.024.265.590	-
Ký cược, ký quỹ	2.253.714.883	-	2.024.265.590	-
Tổng	5.434.944.576	-	6.773.687.758	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B09-DN/HN

5.5 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	5.768.916.446	422.807.123	5.586.459.667	375.523.725
Dự phòng phải thu khó đòi	5.346.109.323		5.210.935.942	
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn từ 6 năm đến dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty CPĐT TM & DL Bó Nặm				2.890.400.620
Các đối tượng còn lại				2.878.515.826
Tổng				5.768.916.446

(*) Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	11.551.805.922	(1.451.340.984)	25.332.000.422	(1.451.340.984)
Công cụ, dụng cụ	1.057.600.710	-	1.499.705.669	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.607.237.805	-	8.200.635.761	-
Thành phẩm	87.378.874.425	-	48.882.164.022	-
Hàng hóa	31.380.067.511	-	27.584.076.511	-
Tổng	137.975.586.373	(1.451.340.984)	111.498.582.385	(1.451.340.984)

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn	4.331.673.503	2.377.118.731
Chi phí công cụ dụng cụ	401.255.168	535.535.600
Chi phí nhà máy luyện chì	94.705.652	225.656.229
Chi phí sửa chữa nhà máy bột kẽm - XNCD	2.659.953.871	1.191.334.137
Chi phí khác chờ phân bổ	1.175.758.812	424.592.765
Dài hạn	9.577.574.389	13.240.128.144
Chi phí lập hồ sơ khai thác mỏ Nà Pốp-Pù Sáp	503.238.185	647.020.524
Chi phí sửa chữa, cải tạo	628.132.229	990.251.439
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.134.428.465	5.424.560.174
Chi phí khác chờ phân bổ	1.361.483.899	1.091.884.312
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.950.291.611	5.086.411.695
Tổng	13.909.247.892	15.617.246.875

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2020	97.920.186.916	90.977.852.587	10.208.186.415	344.630.205	1.932.653.469	201.383.509.592
Tăng trong năm	17.030.162.017	985.950.000	435.000.000	-	-	18.451.112.017
Mua trong năm	-	985.950.000	435.000.000	-	-	1.420.950.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	16.251.911.211	-	-	-	-	16.251.911.211
Tăng khác	778.250.806	-	-	-	-	778.250.806
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	114.950.348.933	91.963.802.587	10.643.186.415	344.630.205	1.932.653.469	219.834.621.609
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2020	50.566.476.569	61.041.793.081	5.572.383.900	320.387.793	1.923.226.851	119.424.268.194
Tăng trong năm	9.115.145.260	6.092.308.571	1.092.356.164	6.060.612	9.436.667	16.315.307.274
Khấu hao trong năm	9.115.145.260	6.092.298.522	1.092.356.164	6.060.612	9.436.667	16.315.297.225
Phân loại lại	-	10.049	-	-	-	10.049
Giảm trong năm	40.001.685	-	-	-	10.049	40.011.734
Giảm khác	40.001.685	-	-	-	-	40.001.685
Phân loại lại	-	-	-	-	10.049	10.049
Số dư tại 31/12/2020	59.641.620.144	67.134.101.652	6.664.740.064	326.448.405	1.932.653.469	135.699.563.734
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2020	47.353.710.347	29.936.059.506	4.635.802.515	24.242.412	9.426.618	81.959.241.398
Tại 31/12/2020	55.308.728.789	24.829.700.935	3.978.446.351	18.181.800	-	84.135.057.875

Công ty đã thế chấp nhà xưởng và một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 40.575.779.151 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (tại ngày 31/12/2019 là: 27.999.489.896 đồng).

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 66.304.887.176 đồng (tại ngày 31/12/2019 là: 56.887.568.331 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	1.111.264.959	240.084.000	338.019.713	-	1.689.368.672
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	<u>1.111.264.959</u>	<u>240.084.000</u>	<u>338.019.713</u>	<u>-</u>	<u>1.689.368.672</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2020	833.006.224	240.084.000	-	22.934.498	1.096.024.722
Tăng trong năm	79.502.496	-	28.938.588	-	108.441.084
Khấu hao trong năm	79.502.496	-	28.938.588	-	108.441.084
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	<u>912.508.720</u>	<u>240.084.000</u>	<u>28.938.588</u>	<u>22.934.498</u>	<u>1.204.465.806</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2020	<u>278.258.735</u>	<u>-</u>	<u>338.019.713</u>	<u>(22.934.498)</u>	<u>593.343.950</u>
Tại 31/12/2020	<u>198.756.239</u>	<u>-</u>	<u>309.081.125</u>	<u>(22.934.498)</u>	<u>484.902.866</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
Nhà máy bột kẽm	-	-	3.678.956.378	3.678.956.378
Dự án mỏ Vàng Pắc Lạng	3.791.282.154	3.791.282.154	3.831.282.154	3.831.282.154
Nhà máy luyện chì	200.015.229	200.015.229	3.367.908.603	3.367.908.603
Mở rộng nhà máy rau quả	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964	1.589.500.964
Đầu tư khai thác mỏ chì kẽm Lũng Váng	-	-	778.250.806	778.250.806
Khoan thăm dò mỏ Bó Nặm	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
Các dự án khác	45.000.000	45.000.000	-	-
Tổng	<u>6.925.798.347</u>	<u>6.925.798.347</u>	<u>13.245.898.905</u>	<u>13.245.898.905</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		31/12/2020			01/01/2020		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			4.730.835.820	-		4.730.835.820	-	
Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn - Lào	23%	23%	4.730.835.820	-	(*)	4.730.835.820	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			15.257.416.075	-	(*)	15.257.416.075	-	(*)
Tổng Công ty Cổ phần khoáng sản			120.000.000	-	(*)	120.000.000	-	(*)
Luyện kim Bắc Kạn								
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An			15.137.416.075	-	(*)	15.137.416.075	-	(*)
Tổng			19.988.251.895	-		19.988.251.895	-	

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện nay không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	23.803.669.671	23.803.669.671	20.505.511.337	20.505.511.337
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên mã	4.719.696.962	4.719.696.962	1.454.330.830	1.454.330.830
Công ty TNHH Thương mại Trường Phong	5.018.636.923	5.018.636.923	5.018.636.923	5.018.636.923
Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh sản xuất Xây dựng Cường Lan	457.644.219	457.644.219	2.056.480.989	2.056.480.989
Phải trả người bán ngắn hạn đối tượng khác (*)	13.607.691.567	13.607.691.567	11.976.062.595	11.976.062.595
<i>Trong đó, Phải trả bên liên quan chi tiết tại 6.1</i>	<i>4.719.696.962</i>	<i>4.719.696.962</i>	<i>1.359.467.600</i>	<i>1.359.467.600</i>
Tổng	23.803.669.671	23.803.669.671	20.505.511.337	20.505.511.337

(*): Phải trả các đối tượng khác bao gồm khoản phải trả các nhà cung cấp có số dư nhỏ hơn 10% tổng giá trị số dư công nợ phải trả người bán.

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Phải nộp	9.366.803.588	15.870.797.418	21.142.158.350	4.095.442.656
Thuế giá trị gia tăng	3.566.639.336	4.079.116.759	6.770.864.095	874.892.000
Thuế tiêu thụ đặc biệt	23.715.034	12.687.444	10.796.665	25.605.813
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.407.964.081	-	3.959.971.199	447.992.882
Thuế thu nhập cá nhân	223.049.520	202.733.231	362.265.082	63.517.669
Thuế tài nguyên	797.891.617	5.742.789.975	5.337.895.815	1.202.785.777
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	347.544.000	1.219.892.950	1.219.892.950	347.544.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.613.577.059	3.480.472.544	1.133.104.515
Phải thu	666.704.277	1.017.422.934	1.034.707.500	683.988.843
Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.195.000	43.352.902	32.000.000	162.842.098
Thuế tài nguyên	48.919.855	272.631.310	463.000.000	239.288.545
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	150	176.707.650	176.707.500	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	443.589.272	524.731.072	363.000.000	281.858.200

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	9.714.649.607	4.383.506.756
Các khoản khác	4.019.268.927	2.101.820.700
Tổng	13.733.918.534	6.485.327.456

5.15 Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	13.915.555.549	14.143.676.182
Kinh phí công đoàn	1.264.922.623	1.457.941.827
Bảo hiểm xã hội	-	2.520.270
Bảo hiểm y tế	-	897.944
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	354.055.160	354.055.160
Tiền đặt cọc dự án mỏ vàng Pắc Lạng (1)	300.000.000	500.000.000
Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc (2)	3.911.834.400	3.911.834.400
Công ty TNHH Thương mại Trường Phong (3)	6.739.200.000	6.739.200.000
Phải trả, phải nộp khác	1.345.543.366	1.177.226.581
Tổng	13.915.555.549	14.143.676.182

- (1) Tiền đặt cọc theo các thỏa thuận đầu tư ký giữa Công ty với các cá nhân để thực hiện dự án khai thác mỏ vàng Pắc Lạng.
- (2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10/HĐHTKD ngày 05/3/2008 giữa Công ty và Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc với mục đích xây dựng Nhà máy luyện chì tại khu vực Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên đến hiện tại Công ty Liên doanh Kim loại màu Việt Bắc đã rút khỏi dự án nhưng Công ty chưa trả lại số tiền.
- (3) Phải trả chuyển tiền chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH MTV Việt Trung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	185.937.048.942	185.937.048.942	212.860.452.080	172.975.902.875	146.052.499.737	146.052.499.737
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	24.994.983.781	24.994.983.781	63.880.111.239	56.093.380.570	17.208.253.112	17.208.253.112
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (2)	29.999.249.270	29.999.249.270	64.230.340.841	64.175.522.305	29.944.430.734	29.944.430.734
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh (3)	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (4)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Hoàng Thị Thanh Hằng (5)	72.747.815.891	72.747.815.891	37.000.000.000	4.000.000.000	39.747.815.891	39.747.815.891
Nguyễn Thanh Hiến (5)	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trần Minh Thành (5)	8.500.000.000	8.500.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
Vũ Phi Hồ (5)	3.390.000.000	3.390.000.000	-	-	3.390.000.000	3.390.000.000
Hoàng Thị Minh Nguyệt (5)	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân khác (5)	13.305.000.000	13.305.000.000	13.250.000.000	8.207.000.000	8.262.000.000	8.262.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	-	-	12.500.000.000	12.500.000.000	-	-
<i>Trong đó: Vay ngắn hạn các bên liên quan</i>	<i>39.551.000.000</i>	<i>39.551.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>37.472.000.000</i>	<i>37.472.000.000</i>
<i>-Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1</i>						
b) Vay dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Nguyễn Thanh Hiến (6)	10.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	195.937.048.942	195.937.048.942	217.860.452.080	172.975.902.875	151.052.499.737	151.052.499.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1): Hợp đồng cho vay hạn mức số 25/2020-HĐCVHM/NHCT172-KHOANGSAN ngày 26/10/2020 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức cho vay : 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức: Từ ngày 26/10/2020 đến ngày 01/01/2021. Lãi suất được xác định theo từng Giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng lần lượt là Hợp đồng thế chấp số 06-18/2017/HĐTC-KHOANGSAN ngày 07/02/2018 tài sản thế chấp là Quyền sử dụng và sở hữu với các hạng mục xây lắp của nhà máy luyện chì công suất 5000 tấn/Năm Giá trị tài sản thế chấp: 14.975.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp số: 20/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/4/2020 Tài sản thế chấp là: máy vắt tinh quặng, máy thông gió ly tâm, máy nén khí trục vít, máy sấy không khí, lọc Hos, Biển tần, hệ thống túi lọc bụi lỗ sần, hệ thống rọ túi lọc bụi Giá trị tài sản thế chấp: 3.404.200.000 đồng; Hợp đồng thế chấp số: 19/2020/HĐBĐ/NHCT172 ngày 28/4/2020 Tài sản thế chấp : Hệ thống kênh làm lạnh; lò luyện chì mới; sân kho chứa nguyên liệu thuộc nhà máy luyện chì 5000 tấn. Giá trị tài sản thế chấp là: 4.136.000.000 đồng.

(2): Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 02/2020/788949/HĐTD ký ngày 18/8/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn. Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lãi suất: Thả nổi có điều chỉnh và được xác định theo từng hợp đồng vay cụ thể. Biện pháp bảo đảm: Các biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này.

(3): Hợp đồng cho vay tiền số 01/HĐCV-2020 ngày 16/11/2020 kèm theo phụ lục Hợp đồng số 15/PLHĐCV/2019 ngày 13/9/2019 bổ sung thời hạn vay giữa Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày bên Vay nhận được tiền của bên cho Vay. Lãi suất: 11%/năm.

(4): Hợp đồng vay vốn số 23/06/2020/HĐVV-CTBX ngày 23/6/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm; Hợp đồng vay vốn số 22/06/2020/HĐVV-CTBX ngày 22/6/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm; Hợp đồng vay vốn số 19/06/2020/HĐVV-CTBX ngày 19/6/2020 giữa Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An với Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày cho vay. Lãi suất 9%/năm.

(5): Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất khoản vay từ 0% đến 10,5%/năm.

(6): Hợp đồng cho vay tiền số 100/HĐVT BKC-NTH ngày 21/12/2018 kèm phụ lục hợp đồng ký bổ sung thời hạn vay số 46/PLHĐ/BKC-NTH giữa Bà Nguyễn Thanh Hiến và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 21/12/2018. Lãi suất: 9%/năm; Hợp đồng cho vay tiền số 06/HĐVT 2019 BKC-NTH ngày 25/02/2019 kèm phụ lục hợp đồng ký bổ sung thời hạn vay số 02/PLHĐ/BKC-NTH giữa Bà Nguyễn Thanh Hiến và Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn. Số tiền vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày 25/02/2019. lãi suất: 9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	(7.849.136.895)	142.155.109.913
Tăng trong năm	-	-	-	12.773.189.988	12.773.189.988
Lãi trong năm	-	-	-	12.773.189.988	12.773.189.988
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	4.924.053.093	154.928.299.901
Số dư tại 01/01/2020	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	4.924.053.093	154.928.299.901
Tăng trong năm	-	-	-	(23.030.492.693)	(23.030.492.693)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(23.030.492.693)	(23.030.492.693)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	117.377.280.000	17.052.895.190	15.574.071.618	(18.106.439.600)	131.897.807.208

Theo Nghị Quyết số 01/2020/NQ - ĐHĐCĐ ngày 29/06/2020, Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế sau thuế năm 2019 như sau: Bù lỗ năm 2018: 8.996.192.491 đồng; số lợi nhuận còn lại sau khi bù lỗ năm 2018: 3.776.997.497 đồng, bổ sung vào nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	20.637.450.000	20.637.450.000
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	5.615.000.000	5.615.000.000
Đặng Thanh Vân	6.392.830.000	6.392.830.000
Mai Văn Bản	8.638.280.000	8.638.280.000
Vốn góp của đối tượng khác	46.093.720.000	46.093.720.000
Tổng	117.377.280.000	117.377.280.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	117.377.280.000	117.377.280.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	117.377.280.000	117.377.280.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.737.728	11.737.728
Cổ phiếu phổ thông	11.737.728	11.737.728
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	214.695.201.486	235.186.442.292
Tổng	214.695.201.486	235.186.442.292

5.19 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	212.009.955.863	210.849.252.310
Tổng	212.009.955.863	210.849.252.310

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.786.508	4.373.041.672
Tổng	11.786.508	4.373.041.672

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.21 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	15.296.377.606	11.932.463.677
Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư	-	(1.598.235.820)
Tổng	15.296.377.606	10.334.227.857

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.588.212.440	13.783.974.318
Chi phí nhân viên quản lý	7.772.922.934	9.587.091.665
Chi phí đồ dùng văn phòng	179.132.334	223.687.587
Chi phí khấu hao	683.926.905	508.541.472
Thuế, phí, lệ phí	65.195.512	67.982.500
Chi phí dự phòng	146.773.381	462.669.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.385.408.967	1.260.961.925
Chi phí khác bằng tiền	1.360.652.407	1.707.586.018
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(5.800.000)	(34.546.630)
Tổng	11.588.212.440	13.783.974.318

5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản	-	10.000.000.000
Thu từ cho thuê TSCĐ	4.545.454.548	4.545.454.548
Thu nhập khác	132.889.131	250.471.980
Tổng	4.678.343.679	14.795.926.528
Chi phí khác		
Khấu hao TSCĐ cho thuê	170.979.780	87.447.820
Chi phí thanh lý tài sản	-	77.000.000
Lãi chậm nộp, phạt thuế	2.286.871.768	129.987.934
Chi phí phá dỡ tài sản	-	566.009.849
Chi phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn HĐLĐ	381.420.625	-
Chi phí khác	682.006.284	1.794.949.217
Tổng	3.521.278.457	2.655.394.820
Lợi nhuận khác	1.157.065.222	12.140.531.708

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	3.959.371.199
Tổng	-	3.959.371.199

5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	(23.030.492.693)	12.773.189.988
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(23.030.492.693)	12.773.189.988
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	11.737.728	11.737.728
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.962,09)	1.088,22

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Sở hữu 25,56% cổ phần BKC Ông Nguyễn Trần Nhất là Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc, đồng thời là Hội đồng thành viên và sở hữu 70% vốn góp tại Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã.
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Sở hữu 17,58% cổ phần BKC
Công ty TNHH MTV Việt Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Công ty liên kết
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên BKS
Bà Trần Thị Yến	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Biên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
1. Phải thu khách hàng		90.607.451.028	105.293.990.511
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Du lịch Bó Nặm	Bán hàng	2.890.400.620	2.890.400.620
Công ty TNHH Dịch vụ ANB	Bán hàng	-	12.000
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng	-	2.136.003
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Bán hàng	87.717.050.408	102.401.441.888
2. Phải trả người bán		4.719.696.962	1.359.467.600
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Mua hàng	4.719.696.962	1.359.467.600
3. Vay ngắn hạn		39.551.000.000	37.472.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Vay	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Vay	4.000.000.000	5.000.000.000
Chi nhánh Thái Nguyên	Vay	82.000.000	82.000.000
Ông Vũ Phi Hồ	Vay	3.390.000.000	3.390.000.000
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Vay	17.000.000.000	17.000.000.000
Bà Trần Thị Yên	Vay	447.000.000	-
Ông Bùi Đức Hùng	Vay	297.000.000	-
Ông Đinh Văn Hiến	Vay	497.000.000	-
Ông Đỗ Đình Thắng	Vay	447.000.000	-
Ông Nguyễn Trần Nhất	Vay	497.000.000	-
Ông Trần Văn Quyền	Vay	447.000.000	-
Ông Vũ Gia Hạnh	Vay	447.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Giao dịch bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
1. Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Việt Trung	Tinh quặng chì	9.268.996.900	13.861.984.500
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tinh quặng chì	8.266.505.400	17.137.514.491
	Thuê vận chuyển, chế biến	14.841.099.700	-
	Chi phí phân tích mẫu	1.712.727.273	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Huy	Bộ điều áp	2.460.000	-
2. Bán hàng			
Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã	Tiền thuê xưởng Nước tinh khiết	4.545.454.548 6.250.908	4.545.454.548 -
Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ	Chì thỏi	199.706.671.100	186.408.221.116
3. Giao dịch khác			
Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An	Nhận vay	12.000.000.000	5.000.000.000
	Trả vay	12.000.000.000	12.000.000.000
	Lãi vay	603.928.767	21.172.603
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Nhận vay	4.000.000.000	5.000.000.000
	Trả vay	5.000.000.000	12.700.000.000
	Lãi vay	313.643.836	698.794.521
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Đi vay	-	17.000.000.000
	Lãi vay	1.530.000.000	1.417.315.068
Bà Phạm Thị Lan	Lãi vay	112.191.781	127.693.151
	Nhận vay	-	11.200.000.000
	Trả vay	5.000.000.000	6.200.000.000
Bà Trần Thị Yến	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.706	-
Ông Bùi Đức Hùng	Nhận vay	300.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	7.396.947	-
Ông Đinh Văn Hiến	Nhận vay	500.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	12.344.692	-
Ông Đỗ Đình Thắng	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.562	-
Ông Nguyễn Trần Nhất	Nhận vay	500.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	12.344.692	-
Ông Trần Văn Quyền	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.706	-
Ông Vũ Gia Hạnh	Nhận vay	450.000.000	-
	Trả vay	3.000.000	-
	Lãi vay	11.107.706	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Tổng Giám đốc và Người quản lý khác:**

Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch HĐQT	520.000.000	600.000.000
Ông Đinh Văn Hiến	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Ông Mai Thanh Sơn	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Trần Nhất	Ủy viên	104.000.000	120.000.000
Tổng		936.000.000	1.080.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Thế Phòng	Trưởng ban	41.600.000	48.000.000
Ông Đặng Thanh Vân	Thành viên	31.200.000	36.000.000
Ông Bùi Đức Hùng	Thành viên	31.200.000	36.000.000
Tổng		104.000.000	120.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Đinh Văn Hiến	Tổng Giám đốc	366.149.539	399.303.839
Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng Giám đốc	292.412.193	319.188.934
Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	293.950.012	321.853.064
Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	312.143.505	331.879.536
Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng Giám đốc	292.412.193	11.135.453
Ông Phan Văn Việt	Tổng Giám đốc (Công ty TNHH MTV Việt Trung)	112.816.429	-
Bà Trần Thị Yến	Kế toán trưởng	244.133.821	265.427.367
Ông Đặng Lam Giang (Đến ngày 01/09/2020)	Người công bố thông tin	21.600.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Vũ (Bổ nhiệm từ ngày 01/09/2020)	Người công bố thông tin	9.600.000	-
Tổng		1.945.217.692	1.684.788.193

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 3 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật






Trần Thị Tuyết

Trần Thị Yến

Đinh Văn Hiến

Số: 09 /TTr-HĐQT

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 như sau:

1. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020:

- Trong năm 2020 lợi nhuận đã không đạt như kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 lỗ: 23.030.492.693 đồng.
- Dự kiến sẽ được bù lỗ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021.

2. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

- Dự kiến kế hoạch lợi nhuận năm 2021 sau thuế: 23,7 tỷ đồng bù lỗ cho năm 2020, số còn lại bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty.

Trên đây là tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ

Số: 07/TB-HĐQT

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn

Nhiệm kỳ 2016-2021 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn đã kết thúc.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam; Luật chứng khoán của nước CHXHCN Việt Nam; Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn, biên bản họp của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn ngày 01/4/2021 và để chuẩn bị cho việc bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026, Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026 trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự kiến bầu: 05 người. Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị ít nhất là 01 người (*Điều 25, Điều lệ BKC 2018*).

2. Số lượng Kiểm soát viên dự kiến: 03 người, trong đó phải có ít nhất 01 thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng Ban kiểm soát Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty (*Điều 36, Điều lệ BKC 2018*).

3. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử viên

3.1. Ứng viên bầu HĐQT, BKS không thuộc một trong các trường hợp dưới đây (*khoản 2, Điều 17, Luật Doanh nghiệp 2020*):

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;



d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật này, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh;

3.2. Ứng viên bầu thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện (*khoản 1, Điều 155, Luật Doanh nghiệp 2020*):

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (Điểm 3.1 nêu trên);

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020 và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

e) Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty (*Khoản 5, Điều 25, Điều lệ BKC 2018*).

3.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện (*khoản 2, Điều 155, Luật Doanh nghiệp 2020*):

Ngoài điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại mục 3.2 nêu trên, ứng viên phải có thêm các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3.4. Ứng viên bầu thành viên Ban kiểm soát phải có các điều kiện và tiêu chuẩn (Điều 169, Luật Doanh nghiệp năm 2020):

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định trên, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020 không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

4. Thủ tục đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026

4.1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT (Khoản 2, 3, Điều 24, Điều lệ BKC 2018)

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được

đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4.2. Quyền đề cử, ứng cử BKS (Điều 35, Điều lệ BKC 2018)

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4.3. Hồ sơ ứng cử, đề cử

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đáp ứng được các quy định theo Thông báo này phải gửi hồ sơ liên quan ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS cho Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn. Hồ sơ gồm:

- Đơn ứng cử/đề cử ứng viên HĐQT, BKS (theo mẫu tại <http://backanco.com>);

- Biên bản họp nhóm (nếu cổ đông/nhóm cổ đông đề cử theo mẫu tại <http://backanco.com>) hoặc giấy tờ chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ có quyền đề cử, ứng cử theo quy định của pháp luật, Điều lệ BKC và mục 4 Thông báo này.

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương (theo mẫu tại <http://backanco.com>)

- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/hộ chiếu, các văn bằng, chứng nhận liên quan đến trình độ chuyên môn nghiệp của ứng viên.

- Bản sao Hộ chiếu/CMND/CCCD của người đề cử hoặc người đại diện hợp pháp.

- Giấy uỷ quyền hợp lệ (nếu cử đồng uỷ quyền cho người khác đề cử).

4.4. Thời hạn và nơi nhận hồ sơ ứng cử, đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến để bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026 phải gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện dưới hình thức bảo đảm về Văn phòng Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn chậm nhất 16h00 ngày 15/4/2021 theo địa chỉ:

Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn

Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn

Điện thoại: 02813 812 399 – Máy lẻ 102 (Ông Nguyễn Văn Vũ)

Email: nguyenvanvu.bkc@backanco.com

Các hồ sơ đề cử, ứng cử được bộ phận Văn thư Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhận được sau thời gian trên sẽ không có giá trị.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thư ký HĐQT;
- Chánh Văn phòng;
- Lưu Văn thư (Photo HSDH).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Phi Hồ

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ

Về việc ứng cử, đề cử và bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn thông báo tới Quý cổ đông một số quy định về việc ứng cử, đề cử và bầu cử Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

I. QUY ĐỊNH ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ

1. Ứng cử, đề cử Hội đồng quản trị

1.1. Số lượng thành viên HĐQT dự kiến bầu: 05 thành viên, số lượng thành viên HĐQT không điều hành/độc lập tối thiểu là 01 thành viên.

1.2. Tiêu chuẩn ứng viên

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

b) Ứng viên bầu thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 155, Luật Doanh nghiệp 2020;

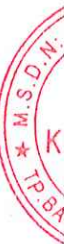
c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2, Điều 155, Luật Doanh nghiệp 2020.

1.3. Điều kiện ứng cử, đề cử HĐQT

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội



bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

2. Ứng cử, đề cử Ban Kiểm soát

2.1. *Số lượng Kiểm soát viên dự kiến:* 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất 01 thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn kế toán.

2.2. Tiêu chuẩn ứng viên

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định trên, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020 không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

2.3. Điều kiện ứng cử, đề cử Ban Kiểm soát

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát

phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Thủ tục đề cử, ứng cử

- Đơn ứng cử/đề cử ứng viên HĐQT, BKS (*theo mẫu*);
- Biên bản họp nhóm (*nếu cổ đông/nhóm cổ đông đề cử theo mẫu*)
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai có xác nhận (*theo mẫu*) kèm bản sao công chứng các giấy tờ sau: CMND/hộ chiếu; các văn bằng, chứng nhận liên quan đến trình độ chuyên môn nghiệp của ứng viên; bản sao công chứng hộ chiếu/CMND của người đề cử hoặc người đại diện hợp pháp.
- Giấy uỷ quyền hợp lệ (*nếu cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử*).

4. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai, Ban Tổ chức sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện làm ứng cử viên để bầu vào HĐQT, BKS để trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và tiến hành bỏ phiếu bầu.

II. BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

1. Quyền biểu quyết, bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (*theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt ngày 23 tháng 3 năm 2021*) có thể thực hiện quyền biểu quyết và bầu cử tại Đại hội khi hoàn tất khâu đăng ký và kiểm tra tư cách hợp lệ tại Đại hội.

2. Nguyên tắc, cách thức bầu cử:

a. Việc bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông/Người được uỷ quyền có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần nhân (x) với số thành viên HĐQT, BKS được bầu. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng viên.

b. Cổ đông/Người được uỷ quyền có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên bằng cách ghi số phiếu (bầu) biểu quyết cho từng ứng viên vào ô tương ứng (tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông/Người được uỷ quyền) hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn nhưng tối đa không quá số lượng thành viên HĐQT, BKS được bầu.

c. Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào hòm phiếu theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào hòm phiếu.

3. Phiếu bầu cử, ghi phiếu bầu cử:

- Cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền được phát 01 tờ phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS theo mã số cổ đông.
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu khác.
- Cách ghi phiếu bầu:

001495
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỔ PHẦN
ĐANG S
BẮC KẠN
KÁN T. B.

+ Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu, tối đa bằng số ứng viên cần bầu. Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ (có giấy uỷ quyền), người được uỷ quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

+ Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

+ Cổ đông hoặc đại diện uỷ quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc một số ứng viên, đại biểu ghi dồn toàn bộ số phiếu bầu vào ô của các ứng viên tương ứng; Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của từng ứng viên tương ứng.

- Phiếu bầu không hợp lệ:

+ Phiếu không phải do Ban tổ chức phát hành;

+ Phiếu bầu quá số người theo quy định, ghi thêm tên người khác vào phiếu ngoài danh sách đề cử, ứng cử;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc được uỷ quyền; hoặc số lượng ứng viên lựa chọn nhiều hơn số thành viên được bầu đã được Đại hội phê duyệt.

+ Phiếu bầu tẩy xóa, rách, sửa chữa, viết thêm nội dung khác;

+ Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu khi việc bỏ phiếu đã kết thúc và Ban kiểm phiếu đang tiến hành kiểm phiếu;

+ Không có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền.

- Phiếu trắng: Là phiếu không bầu cho ứng viên nào và những phiếu được phát tại Đại hội nhưng không bỏ phiếu vào hòm phiếu.

4. Ban kiểm phiếu và trách nhiệm của Ban kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm sau:

- Kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông tham dự Đại hội;

- Hướng dẫn chi tiết cách ghi phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của phiếu bầu, kiểm tra kết quả bầu cử một cách khách quan, chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả bầu cử;

- Tổng hợp kết quả bầu cử và lập thành Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu được các thành viên của Ban kiểm phiếu ký để xác nhận về tính chính xác, minh bạch và đúng nguyên tắc, trình tự kiểm phiếu.

- Bàn giao lại biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cho Thư ký Đại hội.

- Cùng Chủ tọa Đại hội giải quyết các khiếu nại (nếu có) liên quan đến bầu cử để báo cáo Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ các nội dung sau:

+ Tổng số cổ phần có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội; số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ,...;

+ Số phiếu bầu cho từng ứng viên;

+ Tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng viên trên tổng số cổ phần có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội;

- Trưởng ban kiểm phiếu Chịu trách nhiệm về thủ tục, trình tự và pháp lý trong việc thực hiện bỏ phiếu tại Đại hội; thay mặt Chủ tịch báo cáo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.

5. Nguyên tắc trúng cử

- Những ứng cử viên trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì sẽ tổ chức bầu lại giữa các ứng viên này để chọn.

- Nếu sau khi bầu lại mà vẫn không chọn đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS thì Đại hội đồng cổ đông có thể biểu quyết để khuyết thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ xung trong kỳ Đại hội đồng cổ đông lần sau.

III. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (26/4/2021) của Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn kết thúc.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Mã số doanh nghiệp: 4700149595

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Điện thoại: 0209.3812399 Email: bkc@backanco.com

Bắc Kạn, ngày 26 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021-2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Hôm nay, vào hồi 11 giờ 15 phút ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Khách sạn Núi Hoa, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tiến hành bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

- Tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty là: **11,737,728** (Mười một triệu bảy trăm ba bảy nghìn bảy trăm hai tám) cổ phần.

- Tổng số cổ phần tham dự là: **10.734.712** cổ phần, đại diện cho 91,45% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

I. DANH SÁCH BAN KIỂM PHIẾU

1. Bà Trần Thị Tuyết
2. Ông Bùi Khắc Tùng
3. Bà Hoàng Thị Lây
4. Ông Phạm Mạnh Thắng
5. Bà Lèng Thị Tiên

II. DANH SÁCH ỨNG CỬ VÀ ĐỀ CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Vũ Phi Hồ
2. Ông Đinh Văn Hiến
3. Ông Nguyễn Huy Hoàn
4. Ông Nguyễn Trần Nhất
5. Ông Mai Thanh Sơn

III. KẾT QUẢ BẦU CỬ



1. Ban kiểm phiếu đã tiến hành phát phiếu bầu HĐQT, giám sát quá trình bầu cử, thu hồi phiếu bầu và tiến hành kiểm phiếu với kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 35 phiếu, đại diện cho 10.734.712 cổ phần (tương đương 10.734.712 quyền biểu quyết), bằng 100% số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu thu về: 35 phiếu, đại diện cho 10.734.712 cổ phần (tương đương 10.734.712 quyền biểu quyết), bằng 100% số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết.

Trong đó:

- Số phiếu bầu hợp lệ: 35 phiếu, đại diện cho 10.734.712 cổ phần (tương đương 10.734.712 quyền biểu quyết), bằng 100% số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết.

- Số phiếu bầu không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho _____ cổ phần (tương đương _____ quyền biểu quyết), bằng 100% số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết.

2. Kết quả kiểm phiếu

TT	Họ và tên	Số lượng cổ đồng biểu quyết (người)	Tổng số quyền biểu quyết (cổ phần)	Tỷ lệ %
01	Vũ Phi Hồ	35	14.501.171	135,09%
02	Đình Văn Hiến	31	9.813.341	91,42%
03	Nguyễn Huy Hoàn	31	9.789.841	91,2%
04	Nguyễn Trần Nhất	31	9.789.841	91,2%
05	Mai Thanh Sơn	29	9.775.779	91,07%

3. Kết quả trúng cử

Căn cứ quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua, các Ông có tên sau đã trúng cử Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhiệm kỳ 2021-2026:

TT	Họ và tên	Số lượng cổ đồng biểu quyết (người)	Tổng số quyền biểu quyết (cổ phần)	Tỷ lệ %
01	Vũ Phi Hồ	35	14.501.171	135,09%
02	Đình Văn Hiến	31	9.813.341	91,42%

03	Nguyễn Huy Hoàn	31	9.789.841	91,2%
04	Nguyễn Trần Nhất	31	9.789.841	91,2%
05	Mai Thanh Sơn	29	9.775.779	91,07%

Ban kiểm phiếu xin cam đoan và chịu mọi trách nhiệm về tính khách quan, trung thực và chính xác trong quá trình kiểm phiếu trước toàn thể Đại hội và trước pháp luật.

Biên bản kiểm phiếu này gồm 03 (ba) trang, được lập thành 03 (ba) bản công bố tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và lưu tại Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn.

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU:

1. Bà Trần Thị Tuyết: 
2. Ông Bùi Khắc Tùng: 
3. Bà Hoàng Thị Lây: 
4. Ông Phạm Mạnh Thắng: 
5. Bà Lèng Thị Tiên: 





CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Mã số doanh nghiệp: 4700149595

Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Điện thoại: 0209.3812399 Email: bkc@backanco.com

Bắc Kạn, ngày 26 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021-2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN

Hôm nay, vào hồi 11h giờ 15 phút ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Khách sạn Núi Hoa, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 – Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn tiến hành bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

- Tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Công ty là: **11,737,728** (Mười một triệu bảy trăm ba bảy nghìn bảy trăm hai tám) cổ phần.

- Tổng số cổ phần tham dự là: **10.734.712** cổ phần, đại diện cho 91,45% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

I. DANH SÁCH BAN KIỂM PHIẾU

1. Bà Trần Thị Tuyết
2. Ông Bùi Khắc Tùng
3. Bà Hoàng Thị Lày
4. Ông Phạm Mạnh Thắng
5. Bà Lèng Thị Tiên

II. DANH SÁCH ỨNG CỬ VÀ ĐỀ CỬ BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Nguyễn Thế Phòng
2. Ông Bùi Đức Hùng
3. Ông Đặng Thanh Vân

III. KẾT QUẢ BẦU CỬ

1. Ban kiểm phiếu đã tiến hành phát phiếu bầu Ban kiểm soát, giám sát quá trình bầu cử, thu hồi phiếu bầu và tiến hành kiểm phiếu với kết quả cụ thể như sau:



- Tổng số phiếu phát ra: 35 phiếu, đại diện cho 10.734.712 cổ phần (tương đương 10.734.712 quyền biểu quyết), bằng 100% số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết.

- Tổng số phiếu thu về: 35 phiếu, đại diện cho 10.734.712 cổ phần (tương đương 10.734.712 quyền biểu quyết), bằng 100% số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết.

Trong đó:

- Số phiếu bầu hợp lệ: 35 phiếu, đại diện cho 10.734.712 cổ phần (tương đương 10.734.712 quyền biểu quyết), bằng 100% số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết.

- Số phiếu bầu không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho _____ cổ phần (tương đương _____ quyền biểu quyết), bằng 100% số cổ phần tham dự có quyền biểu quyết.

2. Kết quả kiểm phiếu

TT	Họ và tên	Số lượng cổ đồng biểu quyết (người)	Tổng số quyền biểu quyết (cổ phần)	Tỷ lệ %
01	Nguyễn Thế Phòng	35	11.702.339	109,01%
02	Bùi Đức Hùng	34	10.202.041	95,03%
03	Đặng Thanh Vân	33	8.240.196	76,76%

3. Kết quả trúng cử

Căn cứ quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua, các Ông có tên sau đã trúng cử Ban kiểm soát Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn nhiệm kỳ 2021-2026:

TT	Họ và tên	Số lượng cổ đồng biểu quyết (người)	Tổng số quyền biểu quyết (cổ phần)	Tỷ lệ %
01	Nguyễn Thế Phòng	35	11.702.339	109,01%
02	Bùi Đức Hùng	34	10.202.041	95,03%
03	Đặng Thanh Vân	33	8.240.196	76,76%

Ban kiểm phiếu xin cam đoan và chịu mọi trách nhiệm về tính khách quan, trung thực và chính xác trong quá trình kiểm phiếu trước toàn thể Đại hội và trước pháp luật.

Biên bản kiểm phiếu này gồm 03 (ba) trang, được lập thành 03 (ba) bản công bố tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và lưu tại Trụ sở chính của Công ty

Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn, Tổ 4, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn.

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU:

1. Bà Trần Thị Tuyết: 
2. Ông Bùi Khắc Tùng: 
3. Bà Hoàng Thị Lây: 
4. Ông Phạm Mạnh Thắng: 
5. Bà Lèng Thị Tiên: 



Số: 10 /TTr-HĐQT

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát và thư ký Công ty**

Kính gửi: ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 CTCP Khoáng sản Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn;
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty,

Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty như sau:

I. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Tổng mức thù lao HĐQT năm 2020 là: 936.000.000 đồng, cụ thể:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2020		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	1	50 000 000	4	200 000 000
			40 000 000	8	320 000 000
			Cộng		520 000 000
2	Thành viên HĐQT	4	10 000 000	4	160 000 000
			8 000 000	8	256 000 000
			Cộng		416 000 000
			Tổng cộng		936 000 000



2. Dự kiến thù lao HĐQT năm 2021 như sau:

Stt	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2021		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	50.000.000	12	600.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	10.000.000	12	480.000.000
	Tổng cộng				1.080.000.000

II. THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT:

1. Tổng mức thù lao Ban kiểm soát năm 2020: 104.000.000 đồng, cụ thể:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao năm 2020		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng BKS	1	4 000 000	4	16 000 000
			3 200 000	8	25 600 000
			Cộng		41 600 000
2	Thành viên BKS	2	3 000 000	4	24 000 000
			2 400 000	8	38 400 000
			Cộng		62 400 000
			Tổng cộng		104 000 000

2. Dự kiến mức thù lao Ban kiểm soát năm 2021 là:

TT	Chức danh	Số người	Mức thù lao 2021		
			Hàng tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Trưởng ban BKS	01	4.000.000	12	48.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	12	72.000.000
	Tổng cộng				120.000.000

III. THÙ LAO THƯ KÝ CÔNG TY: 3.000.000 đồng/tháng.

Trên đây là nội dung tờ trình thông qua dự kiến thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2021. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- HĐQT; BKS;
- BTGD;
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Phi Hồ



Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn!

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn,
Ban kiểm soát (“BKS”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm 2021 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

BKS đề xuất với ĐHĐCĐ các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

- Là Công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2021;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên có năng lực, trình độ, nhiều kinh nghiệm kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định của các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện cuộc kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính cho Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán và các điều kiện, mục tiêu phù hợp khác theo yêu cầu của Công ty.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát:

BKS đề xuất ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán đáp ứng các tiêu chí nêu tại mục 1 để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- CVP, TKCT;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thế Phòng

Số: 108 /TTr-TGD

Bắc Kạn, ngày 19 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đầu tư xây dựng dây truyền luyện kẽm
tại Khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
và bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn;

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty và cơ sở triển khai, thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét, cho ý kiến các nội dung sau:

1. Về việc đầu tư xây dựng dây truyền luyện kẽm tại Khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn:

Trong những năm qua do ảnh hưởng của cuộc sung đột thương mại Mỹ Trung cộng với tác động của đại dịch covid 19 vừa qua dẫn đến giá kim loại trên thị trường sụt giảm không ổn định, sản phẩm tinh quặng kẽm của Công ty không tiêu thụ được, trong khi đó kẽm kim loại trên thị trường vẫn tiêu thụ tốt, do vậy ngày 12 tháng 11 năm 2020 Công ty đã có văn bản số 208/BKC-PC đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý Các khu công nghiệp tỉnh Bắc Kạn xem xét chấp thuận cho Công ty đăng ký địa điểm thực hiện dự án luyện kẽm và điện phân kẽm.

Một số thông tin sơ bộ về dự án như sau:

- Tổng mức đầu tư: 1.300 đến 1.500 tỷ đồng.
- Công suất: 20.000 đến 25.000 tấn kim loại kẽm/năm.
- Tổ hợp dây truyền của dự án gồm:

1. Nhà máy xử lý sunfua kẽm;
2. Nhà máy xử lý tách hòa tan ô xít kẽm;
3. Nhà máy điện phân kẽm;
4. Các công trình phụ trợ phục vụ dự án.

- Tổng diện tích nhu cầu sử dụng đất: 17,7 ha.

- Vòng đời dự án dự kiến: 50 năm bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản.

- Địa điểm thực hiện: Khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

2. Về việc bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh:

Hiện nay, Công ty đang triển khai dự án: Điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì, kẽm và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì, kẽm”

tại Quyết định số 485/QĐ-BTNMT ngày 19/3/2021, trong đó có các hạng mục, công trình: Đầu tư dây chuyền ép bánh các nguyên liệu chứa chì không phải quặng sulfua (bã chì từ thủy luyện kẽm) làm nguyên liệu bổ sung cho xường lò đứng luyện chì kim loại và đầu tư mới hệ thống tháp hấp thụ khí SO₂ của hệ thống thiết bị lò ống quay sản xuất ô xít kẽm đáp ứng được việc sử dụng nguyên liệu là bụi luyện thép lò điện hồ quang (bụi lò công nghiệp) và xỉ luyện chì, đảm bảo tiêu chuẩn Việt nam về khí thải công nghiệp. Xử lý bã xỉ lò ống quay để thu hồi quặng xỉ sắt cho các cơ sở luyện gang.

Để phù hợp các quy định pháp luật hiện hành và cơ sở pháp lý trình cấp có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy phép cho hoạt động xử lý chất thải nguy hại, Tổng Giám đốc kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Thu gom, vận chuyển, bảo quản, xử lý chất thải nguy hại.
- Thu gom, vận chuyển, bảo quản, xử lý rác thải độc hại và không độc hại.
- Thu gom, vận chuyển, tái chế phế liệu kim loại, phế liệu phi kim loại.

Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, biểu quyết thông qua các nội dung trên.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BTGD;
- BKS;
- VP, TKCT;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đình Văn Hiến